

Cao Bắc Lạng;

Về chiến dịch đã từng là địa bàn trọng điểm của Chiến khu Việt bắc là căn cứ địa chính của chiến trường Bắc Bộ là chiến trường chính trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trên mặt trận Cao Bắc Lạng, đặc biệt là trên con đường số 4 - “con đường lửa” — quân và dân ta đã chiến đấu với một tinh thần anh dũng và sáng tạo tuyệt vời, lập nên chiến công xuất sắc. Ở đây, cũng đã diễn ra chiến dịch đại thắng quy mô lần đầu tiên của quân đội ta, Chiến dịch giải phóng Biên giới.

Trung đoàn 174 vốn là trung đoàn chủ lực của Cao Bắc Lạng với các đơn vị tiền thân và các đơn vị bạn đã cùng với đồng bào các dân tộc góp phần xứng đáng vào thắng lợi lớn của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến trường kỳ.

Cuốn "Hồi ký Dọc đường số 4 miền Cao Lạng" của đồng chí Đặng Văn Việt đã trung thành ghi lại một phần những sự kiện quan trọng và những giờ phút không bao giờ quên trên chiến trường lịch sử.

Với ý nghĩa ấy, cuốn Hồi ký là một thành công. Tôi rất hoan nghênh.

Ngày 19 tháng 8 năm 1987

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP



(Đặng Văn Việt và Võ Nguyên Giáp - Ảnh ngoài hồi ký)

LỜI TỰA

Đường số 4 là nơi đã diễn ra nhiều chiến công hiển hách trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Những chiến công đó đã được hình thành và phát triển theo sự lớn mạnh từng bước của các lực lượng vũ trang ta. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến (1945-1946), bộ đội

Đường số 4 cũng như quân đội cả nước còn non trẻ, ít được huấn luyện, trang bị thô sơ đã tích cực chặn đánh đạo quân nhà nghề của thực dân Pháp được trang bị hiện đại, đã từng cùng quân Đồng minh chiến thắng phát xít Đức, giải phóng nước Pháp nay chuyển sang xâm lược và nô dịch các thuộc địa cũ.

Đến Thu Đông 1947, địch mở cuộc tiến công lên Việt Bắc với âm mưu thâm độc, đầy tham vọng: Dập tắt cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, kết thúc cuộc chiến trong vòng ba tháng.

Làm theo lời kêu gọi của Bác, được nhân dân cả nước phối hợp, quân và dân vùng căn cứ địa thần thánh đã nhất tề đứng dậy, kiên quyết kháng chiến thắng lợi bằng mọi khả năng, mọi phương tiện, đánh trả liên tiếp các mũi tiến công của giặc. Trận Bông Lau nổi tiếng (30-10-1947) trên Đường số 4 đã gây nhiều tổn thất cho cánh quân chủ yếu của địch do Bô-phrê chỉ huy. Mặt trận Đường số 4 cùng các mặt trận sông Lô và Đường số 3, đã làm thất bại âm mưu chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của Bộ thống soái thực dân, buộc chúng phải chuyển sang thi hành chiến lược: “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”.

Cuộc tấn công Thu Đông 1947 của thực dân Pháp thất bại nhục nhã, nhưng chúng vẫn không từ bỏ ý đồ nham hiểm. Chúng chiếm Đường số 4, đóng hàng trăm đồn bốt, bủa vây vùng biên giới Việt - Trung, chiếm Bắc Cạn, giữ Đường số 3, cắm mũi dao sâu vào giữa căn cứ địa Việt Bắc. Để đánh bại âm mưu của địch trong giai đoạn mới, Trung ương Đảng, Bộ Tổng chỉ huy chủ trương thực hiện phương châm: “Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung” để đẩy mạnh chiến tranh du kích và mở chiến dịch lớn dần từng bước.

Cuộc chiến đấu một mất một còn, giành giật từng tấc đất diễn ra vô cùng ác liệt. Đường số 4 là con đường huyết mạch. Thực dân Pháp buộc phải dùng con đường này để vận chuyển và tiếp tế. Mặt trận Đường số 4 được

hình thành. Đây là một trong những nơi đầu tiên áp dụng chủ trương chiến lược mới của Bộ Tổng tham mưu. Trung đoàn được bố trí thành đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung. Nhờ vậy, chiến tranh du kích được phát động và phát triển, gây cho địch nhiều thất bại, tạo điều kiện cho chủ lực đánh lớn.

Quân và dân Đường số 4 vận dụng một cách sáng tạo đường lối quân sự của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đánh nhỏ đến đánh lớn, từ dễ đến khó, tiến hành chiến tranh nhân dân rộng rãi, thực hiện mỗi người dân là một người lính, lấy vũ khí địch diệt địch, bám lấy địch mà đánh, từng bước giành chủ động, chuyển thế và lực giữa ta và địch, đánh đến đâu tổng kết, rút kinh nghiệm đến đó. Nhờ vậy mà trong khoảng khắc thời gian ba năm (1947-1950), quân và dân Đường số 4 đã làm xoay chuyển gần như đảo ngược tình thế. Hình thức tác chiến phổ biến của chủ lực lúc đầu là phục kích. Trong những năm 1948-1950, đã diễn ra một cuộc đấu trí, đấu lực quyết liệt về chống phục kích và phục kích. Địch tìm trăm phương nghìn kế để đề phòng ta phục kích. Nhưng vô quýt dày đã có móng tay nhọn, ta vẫn phục kích nhiều lần, phục kích ngày càng lớn, trên quãng đường ngày càng dài, trận sau thắng đậm hơn trận trước. Báo chí, đài phát thanh địch đã phải gọi Đường số 4 là “Con đường chết chóc”. Kinh nghiệm của các trận phục kích nói trên không những rất có giá trị hồi đánh Pháp, đánh Mỹ, mà vẫn rất có giá trị sau này đối với quân đội ta.

Trên Đường số 4, còn diễn ra những trận đánh công sự vững chắc và đánh vận động lớn đầu tiên. Quân ta đã tiêu diệt gọn cụm cứ điểm Đông Khê lần thứ nhất. Trận Đông Khê lần thứ hai và trận khởi ngòi thành công để thực hiện cách đánh "công điểm, diệt viện" tiêu diệt hai binh đoàn Lơ-pa-giơ và Sac-tông trong Chiến dịch Biên giới lừng lẫy, một chiến dịch giành thắng lợi giòn giã, mở toang cửa ngõ biên giới, mở đầu cho một giai đoạn chiến

lược mới, đánh tập trung tiêu diệt lớn, giải phóng nhiều vùng đất đai, trong kháng chiến chống Pháp, cũng như trong lịch sử quân đội ta.

Đồng chí Đặng Văn Việt, tác giả cuốn sách này, vốn là một cán bộ nghiên cứu của Bộ Tổng tham mưu hồi 1947. Sau khi được phái xuống đơn vị, đồng chí là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 28 (Lạng Sơn), sau này là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174, chủ lực của ba tỉnh Cao-Bắc-Lạng. Đồng chí đã có mặt từ những ngày đầu cho đến những chiến thắng cuối cùng trên trục Đường số 4, đã chỉ huy và đánh thắng nhiều trận phục kích và công đồn nói trên. Bè bạn và cả kẻ địch thường mệnh danh đồng chí là “Đệ tứ quốc lộ đại vương”.

Trung đoàn do đồng chí chỉ huy đã hoàn thành trọn vẹn và xuất sắc nhiệm vụ của mình, đã thực hiện đúng lời dạy của Bác: "Đi dân nhớ, ở dân thương", "Đã đánh là thắng".

Cuốn sách này, bằng lời văn giản dị, mộc mạc của người lính đã miêu tả được những trang sử hào hùng của Đường số 4 năm xưa, tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời của các lực lượng vũ trang, sự đóng góp tận tình, tận nghĩa của đồng bào Cao-Bắc-Lạng, mối tình cá nước thấm thiết quân với dân, sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng bộ các cấp, sự chỉ huy tài tình của Bộ Tổng tư lệnh và các đơn vị. Một số sự kiện, tên người và địa danh, đã từng được ghi vào sử sách cũng đã nêu được một số nét đặc sắc của nền Nghệ thuật Quân sự Việt Nam.

Tôi thành thực hoan nghênh tác giả và cho rằng đây là một cuốn sách quý, không riêng đối với quân và dân Cao-Bắc-Lạng mà cả đối với quân và dân cả nước.

Ngày 28 tháng 6 năm 1986

Đại tướng HOÀNG VĂN THÁI

CÙNG BẠN ĐỌC

Trong những năm dài chống Pháp, trên các mặt trận, quân và dân ta đã lập nên nhiều chiến công hiển hách.

Mặt trận Cao - Bắc - Lạng, đặc biệt là trên Đường số 4, đã chiến đấu với một tinh thần anh dũng và sáng tạo tuyệt vời, lập nên chiến công xuất sắc.

Nhiều đồng chí và bè bạn đến nói với tôi: “Anh là người gắn bó với Đường số 4, có nhiều kỷ niệm sâu sắc với con đường ấy, nên cố gắng viết lại những hồi ức về sự kiện và con người của Con đường lửa này”.

Công việc viết hồi ký đối với tôi quả thực là khó khăn. Nhưng vì những người đã khuất và những người còn sống, tôi đã cố gắng thu thập tư liệu, suy ngẫm lại và đã viết tập sách nhỏ mang tên: Đường số 4 - con đường lửa”.

Trong quá trình viết, tôi may mắn được sự giúp đỡ nhiệt tình của Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Tạp chí Lịch sử quân sự, Viện Bảo tàng quân sự Việt Nam, các Tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh: Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, các cán bộ, chiến sĩ của Trung đoàn 174, những bè bạn thân quen, và sự cộng tác của nhà văn Hải Hồ... Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và cổ vũ tận tình của các cơ quan và các đồng chí.

Đúng vào dịp kỷ niệm 40 năm ngày Chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông 1947 (10/1947 - 10/1987), cuốn sách “Đường số 4 - con đường lửa” đã hoàn thành và ra mắt bạn đọc. Đó là món quà tri ân mà tôi xin kính tặng các đồng chí của mình - những người còn sống và những người đã hy sinh vì Độc lập, Tự do của Tổ quốc.

Từ khi ra đời (1987) đến nay, Đường số 4 - con đường lửa đã được đông đảo độc giả trong và ngoài nước đón nhận nồng nhiệt và có nhiều ý kiến sâu sắc gửi về đóng góp cho cuốn sách được hoàn thiện hơn. Tôi vô cùng biết ơn

tình cảm quý báu và những nhận xét, phê bình, đánh giá chí tình đó của bạn đọc gần xa.

Sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng (Anh, Pháp, Tây Ban Nha), được tái bản nhiều lần, mang tên mới “Đường số 4 rực lửa”, số lượng in ra tới chục vạn cuốn.

Vào những năm cuối của Thập niên thứ nhất của Thiên niên kỷ này (1008 - 2009), những hồi âm vang vọng từ mọi miền của đất nước, từ năm châu - bốn biển lại dồn dập đến với tác giả. Đó là những tình cảm của độc giả, những đóng góp tiếp tục cho “Đường số 4 rực lửa”.

Để đáp lại sự hưởng ứng và nhu cầu của đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước nói trên, tác giả xin phép được tái bản cuốn sách.

Tái bản lần này, sách được sửa chữa và bổ sung một số chi tiết mới nhận được từ các tướng lĩnh, các nhà nghiên cứu lịch sử, các chính khách, các nhà bình luận quân sự, các nhân chứng hiện còn sống từ các bên tham chiến. Đặc biệt, phần Phụ lục của sách có sử dụng một số tài liệu gốc bằng tiếng Pháp và đã được dịch ra tiếng Việt để bạn đọc rộng đường tham khảo và tra cứu... Do đó, "Đường số 4 rực lửa" được tái hiện sinh động và trung thực hơn.

Nhân đây, tác giả xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc với tất cả những ai đã quan tâm đến “Đường số 4 rực lửa”.

TÁC GIẢ



Đặng Văn Việt với quân hàm duy nhất (trung tá)

Ảnh ngoài hồi ký, nguồn xem thuộc tính của hình

CHƯƠNG THỨ NHẤT

CUỘC CHIẾN ĐẤU QUYẾT LIỆT TRÊN ĐƯỜNG SỐ 4

NHỮNG NGÀY MỞ ĐẦU

Ngày mùng 7 tháng 10 năm 1947, giặc Pháp bắt đầu mở cuộc tiến công lớn lên vùng căn cứ Việt Bắc. Để đạt phần thắng, tướng Xa-lăng được cử sang thay tướng Đép-bơ làm tư lệnh quân viễn chinh Pháp toàn Bắc Bộ. Nhờ có thêm mấy ngàn viện binh từ Pháp mới sang, y huy động cả thấy 12.000 quân vào cuộc tiến công này. Cuộc hành binh được mệnh danh “Kế hoạch Lê-a” nhằm 3 mục đích:

- Tiêu diệt đầu não chỉ huy, bắt gọn Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh.

- Tiêu diệt lực lượng chủ lực đối phương.
- Đánh phá các kho tàng, cơ sở kinh tế, quốc phòng, làm tê liệt tiềm lực chiến tranh của đối phương.

Nếu kế hoạch Lê-a thắng lợi địch coi như đã loại trừ về cơ bản công cuộc kháng chiến của Việt Minh. Còn lại có chăng chỉ mang tính chất kháng cự nhỏ, phá rối của các nhóm du kích ở từng địa phương riêng lẻ. Nó sẽ tan dần sau các cuộc hành binh càn quét.

Để thực hiện cái kế hoạch đầy kiêu ngạo, hợm hĩnh, sắc mùi chủ quan của kẻ chuyên ỷ vào sức mạnh, ít chịu tính tới khả năng giáng trả của đối phương, tướng Xa-lăng tung hai gọng kìm lớn, đồng thời sử dụng quân dù như một mũi thứ ba hòng khép chặt vùng Việt Bắc.

Gọng kìm phía Tây do tên đại tá Com-muy-nan chỉ huy một binh đoàn hỗn hợp theo đường thủy, ngược sông Lô tiến chiếm Tuyên Giang, Chiêm Hóa. Còn tên đại tá Bô-phrê chỉ huy một binh đoàn bộ binh thuộc địa, từ phía Lạng Sơn ngược theo Đường số 4 đánh lên Thất Khê, Cao Bằng rồi vòng xuống Bắc Cạn khúyp chặt hướng Đông và phía Bắc. Chúng dự tính hai gọng kìm sẽ hợp điểm ở Đại Thi, Tuyên Quang.

Cùng lúc, từ trên trời, binh đoàn đổ bộ hàng không của tên đại tá Xô-va-nhắc nhảy dù ở vùng Bắc Cạn, ụp xuống Chợ Đồn, Chợ Mới. Một khi vòng vây đã khép chặt, một số tiểu đoàn dự bị chiến dịch sẽ được thả tiếp xuống bất cứ địa điểm nào thuộc vùng chiến khu Việt Bắc nếu phát hiện ra cơ quan đầu não chỉ huy hoặc lực lượng chủ lực của tướng Giáp.

Hồi ấy tôi đang công tác ở Phòng tác chiến, tiền thân của Cục tác chiến thuộc Bộ Tổng tham mưu ngày nay. Tôi phụ trách Ban nghiên cứu. Cơ quan

chúng tôi đóng tại vùng Yên Thông, ở xen kẽ trong nhà đồng bào dân tộc Tày, Nùng. Nơi đây thuộc vùng chiến khu Việt Bắc. Đồng bào đã theo cách mạng từ thời tiền khởi nghĩa tháng Tám, nên càng hết lòng, hết sức gắn bó với công cuộc kháng chiến, cứu nước. Tính tình chất phác, nói ít làm nhiều, hầu như từ mế già tới em nhỏ đều rất có ý thức bảo vệ cách mạng, có tinh thần cảnh giác giữ bí mật rất cao. Một người xa lạ dù đến sát bản làng cũng không thể hỏi ra nơi chúng tôi ở nếu không có liên lạc đưa đường hoặc giấy tờ đầy đủ. Người đó chỉ như chim chích lạc rừng, vì bà con triệt để thực hiện khẩu hiệu: “Không nghe, không biết, không thấy”, cứ “Bò mi, bò chắc” và lắc đầu hoài...

Sớm tinh mơ ngày 7 tháng 10 vừa nghe tiếng kèn, chúng tôi đều bật dậy, chạy ra sân tập thể dục như thường lệ. Bấy giờ đã cuối thu, núi rừng Việt Bắc còn giăng mù sương sớm, phảng phất làn gió lạnh chớm đông. Bỗng nhiên kèn báo động dồn dập, đồng thời cả vùng trời Yên Thông rền vang tiếng máy bay địch. Lúc đầu chúng tôi tưởng chỉ là một vài chiếc khu trục xít-phai (cỗ rựa) lừng sục dọc ngoài tuyến Đường số 3 như mọi lần thường đã xảy ra. Nhưng tiếng động cơ vang dội mạnh mẽ hơn, số lượng máy bay nhiều hơn. Ngồi dưới hầm và hào giao thông, chúng tôi đều chung một ý nghĩ: “Bọn Pháp bắt đầu giờ trò đây”.

(Bố trí binh lực của Pháp ở Cao-Lạng trong năm 1947 -1950. Chụp lại trong cuốn RC4 - La Tragédie Cao Bằng (Đường thuộc địa số 4 - Tám thảm kịch Cao Bằng) của P.Sác - tông - Nxb Albattros 1975.

Từ lâu, toàn cơ quan Bộ Tổng tham mưu đã được phổ biến tình hình chung. Trung ương Đảng từng nhận định: Một khi giặc Pháp chiếm được Hà Nội và một số tỉnh thành vùng đồng bằng, lập ra được chính phủ bù nhìn tay

sai, chúng sẽ tính chuyện giải quyết nhanh cuộc chiến tranh xâm lược. Nhất định chúng sẽ tập trung binh lực lớn, với âm mưu đánh chớp nhoáng, ồ ạt, tiến công chiếm khu Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não và chủ lực của ta. Chúng cũng có thể tiến công mở rộng địa bàn chiếm đóng vào đất Thanh, Nghệ, vùng tự do khu Tư nũa. Nhận định xác đáng trên được quán triệt đến toàn thể quân và dân ta nên chiến khu Việt Bắc đã sẵn sàng đối phó. Khắp mọi nơi đều thực hiện tiêu thổ kháng chiến, vườn không, nhà trống. Các phố phường, thị xã thị trấn đều phá hủy, chỉ tro gạch ngói hoang tàn. Đường sá đào xẻ, cầu cống đánh sập, ngăn chặn bước tiến của cơ giới giặc. Các vùng trảng địa đều cắm cọc tre, chống quân nhảy dù. Do đó, bấy giờ cuộc tiến công lên Việt Bắc của giặc xảy ra không hoàn toàn bất ngờ với ta. Có chăng, cánh cán bộ nghiên cứu tham mưu chúng tôi chỉ không nắm được cụ thể ngày N giờ G và một số điểm chúng sẽ nhảy dù, cung cách sử dụng binh lực của địch mà thôi.

Chỉ sáu hôm sau (12-10) cuộc tiến công này, toàn bộ bản kế hoạch mang mật danh Lê-a và Clô-clô của giặc đã bị phơi bày với mọi chi tiết ngày giờ, cũng như đường đi nước bước cụ thể. Số là chiếc máy bay chở tên đại tá Lăm-be, Tham mưu trưởng quân đội viễn chinh Pháp trên chiến trường Bắc Bộ, bị cao xạ của Trung đoàn 74 Cao Bằng bắn rơi. Lập tức, chiếc cặp đựng toàn bộ bản “Kế hoạch Lê-a” được hỏa tốc mang về Bộ Tổng tư lệnh ngay. Liên lạc viên Nguyễn Danh Lộc đã chạy liên tục 4 ngày 3 đêm từ Cao Bằng về Yên Thông (9-10 - 12-10). Tài liệu đó cùng với sự tổng hợp tình hình từ nhiều nguồn của Ban 2, đã giúp trên điều hành cuộc chiến hiệu nghiệm “quyết phá tan cuộc tiến công của giặc Pháp”.

Đây cũng là những ngày dồn dập sôi động của Bộ Tổng tham mưu nói chung, của Ban nghiên cứu, Phòng tác chiến chúng tôi nói riêng. Việc đầu tiên là cả cơ quan được lệnh chuyển quân gấp. Thay vào chiếc cặp da thường

dùng, giờ mỗi người được phát một cái thùng sắt tây để đựng tài liệu, vừa không sợ mưa, vừa không lo cháy. Nom thật ngồ ngộ, vui vui. Anh nào anh nấy đeo kè kè bên người, như những anh bán lạc rang. Dọc đường hành quân có cậu cao hứng đã rao đùa:

- *Ai phá xa nóng ròn dê!*

- *Lạc rang húng lious nào!*

Ngày ấy, chúng tôi độ tuổi 20, hầu hết là học sinh, sinh viên, nhập cuộc trường kỳ kháng chiến với tất cả nhiệt tình và tâm hồn tươi trẻ. Cả phòng tác chiến chỉ có một đồng chí Ba Đảng người Nam Bộ là ngoài 30 tuổi nên anh đạo mạo chững chạc hơn cả. Cơ quan tác chiến chúng tôi vừa hành quân vừa vẫn phải theo dõi tình hình và nghiên cứu đề xuất ý kiến kịp thời lên Bộ Tổng tham mưu. Vì vậy, vừa đến địa điểm mới, chúng tôi bắt tay vào việc ngay. Lúc này các mũi tiến quân của địch đã rõ rệt. Thi hành Nhật lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, bộ đội và dân quân các địa phương chặn đánh địch khắp nơi. Gọng kìm nào của chúng cũng bị chia cắt.

Tối 25 tháng 10, anh Hoàng Văn Thái, Tổng tham mưu trưởng triệu tập các cán bộ từ trưởng ban trở lên tập trung tại một hang đá ven rừng Vũ Nhai. Giữa hang kê một chiếc bàn nhỏ, trên để chiếc đèn con, anh Thái tóm tắt tình hình diễn biến chiến sự mấy ngày qua, sau đó anh Văn⁽¹⁾ bắt đầu nói chuyện. Bằng giọng miền Trung đầm ấm đầy sức thuyết phục, anh Văn nêu rõ quyết tâm của Bộ thực hiện tốt chỉ thị của Trung ương và Bác Hồ: “Quyết phá tan cuộc tiến công của giặc Pháp”.

Anh mỉm cười nói vui:

- Ba mục đích của giặc trong kế hoạch Lê-a thì rõ ràng có thể kết luận ngay về mục đích thứ nhất. Mục đích này là toan tính tiêu diệt bộ máy đầu não chỉ huy, bắt gọn Chính phủ ta. Vậy hiển nhiên bị thất bại rồi, thất bại

hoàn toàn, còn mục đích thứ hai đang bị đảo ngược. Không phải chúng tiêu diệt được lực lượng chủ lực của ta, mà chính chúng đang bị ta kìm chân, căng mỏng giữa núi rừng. Chúng đang hứng đòn phục kích, tập kích, bị đánh trả ở mọi nơi, mọi lúc. Có chăng ở mục đích thứ ba, chúng chỉ phá phách được một vài kho lán ta chưa kịp phân tán mà thôi.

Sau đó anh chỉ thị:

- Mọi người trong Bộ Tổng tham mưu phải nắm bắt tình hình địch, nghiên cứu đề xuất những ý kiến, biện pháp tác chiến xác đáng. Đây cũng là dịp để cơ quan tham mưu phát huy năng lực, trưởng thành lên một bước trong cuộc đọ sức quyết liệt Thu Đông này.

Kết thúc cuộc họp, tôi đang cùng các đồng chí khác sắp sửa ra về, bỗng anh Thái gọi:

- Viết! Viết lại đây!

Tôi đi tới thì anh Văn cũng đứng dậy, nhìn tôi với cặp mắt nheo cười, anh nói gọn, rất thân:

- Cậu bàn giao công việc lại cho Ban, năm giờ sáng mai có mặt ở đình làng, đi theo tôi và Trường⁽²⁾ lên mặt trận.

- Tôi rập chân, tuân lệnh. Vì hiểu rằng lời nói tuy thân tình nhẹ nhàng, nhưng rõ ràng là mệnh lệnh do chính đồng chí chỉ huy tối cao trực tiếp giao.

Tôi chưa kịp quay đi, anh Văn lại hỏi:

- Này, cưới ngựa tốt chứ?

Tôi đáp:

- Báo cáo: Tốt ạ!

- Tốt! Thế về chuẩn bị ba lô, còn ngựa, Tham mưu sẽ lo.

Về đến lán, kể lại tin này với anh em trong Ban, ai cũng phát ghen với tôi.

Người này bảo:

- Ông được ra mặt trận, mãi nguyện quá rồi!

Người kia đùa:

- Thoát cảnh ôm thùng “phá xa nóng ròn” nghiền ngẫm giấy tờ nhé!

(1) Anh Văn là bí danh của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Đại tướng Tổng tư lệnh, Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

(2) Anh Đào Văn Trường lúc ấy làm Trưởng phòng tác chiến của Bộ Tổng tham mưu - chưa có Cục tác chiến. Sau này có lúc làm Tổng tham mưu phó.

Riêng tôi, đêm đó thao thức hoài. Cứ tự nhủ thầm: “Mặt trận nào đây? Ở vùng nào nhỉ?”

Quả tình anh em nói đúng tâm tư mình. Tôi vốn ưa năng động hơn làm công việc nghiên cứu. Hồi cướp chính quyền ở Huế, chính tôi và các đồng chí Võ Quang Hồ, Nguyễn Thế Lương⁽¹⁾ tức Cao Pha đã giật bỏ lá cờ quẻ ly của Bảo Đại xuống, và lần đầu tiên treo cao lá Cờ đỏ sao vàng lên cột cờ Huế (23-8-1945), trước mũi súng của quân cận vệ Hoàng Cung tại cửa Ngọ Môn. Sau đó tôi chỉ huy chiến đấu ở Đường số 9, ngăn chặn bọn Pháp từ phía Lào

đánh sang miền Trung của ta ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công. Sau đó, tôi chuyển lên Mường Xén, chỉ huy mặt trận Đường số 7, vật lộn với quân Mèo, do hai tên phản động Tu Bi, Từ Ron cầm đầu.

Bấy lâu ở Ban nghiên cứu, Phòng tác chiến, tôi vẫn thầm mong sẽ có ngày được điều xuống đơn vị. Nay rõ ràng ước mơ ôm ấp từ lâu đã thành hiện thực. Lòng tự nhủ lòng: “Chắc cấp trên hiểu được tâm tư nguyện vọng của mình, hiểu được sở trường, sở đoản của mình chẳng?”.

Tôi thầm cảm ơn anh Hoàng Văn Thái, anh Đào Văn Trường vì nghĩ rằng thế nào cũng có ý kiến của hai anh khi bàn bạc lấy người theo anh Văn ra mặt trận.

Sáng hôm sau, tôi có mặt trước 15 phút ở điểm hẹn. Ba lô nai nịt gọn gàng, khẩu Brô-ninh Ca-na-đa đeo ở hông với tác phong quen thuộc thời chỉ huy chiến đấu ở Đường số 9, Đường số 7. Đây là khẩu súng chiến lợi phẩm khi tôi và một số bạn chiến đấu do anh Thế Lâm chỉ huy đánh bọn Pháp nhảy dù xuống Hiền Sĩ gần Huế, mưu toan bắt liên lạc với Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi, hòng lập lại bộ máy thống trị cũ.

Đúng 5 giờ, anh Văn cùng Trường xuất hiện từ góc rừng tới, theo sau là anh chiến sĩ cận vệ. Thấy tôi, anh Văn hỏi:

- Sẵn sàng chưa?

Tôi đáp:

- Rất sẵn sàng ạ!

- Thì lên ngựa thôi!

Cả đoàn cho ngựa đi nước kiệu dong dả, nhắm hướng Đình Cả

- Bắc Sơn đi miết. Người, ngựa, lúc xuyên trong rừng già, lúc men theo sườn núi cheo leo. Vẻ trùng điệp của núi rừng xiết bao hùng vĩ, xen giữa điệp trùng của rừng xanh, đèo núi, là những mảnh ruộng, nương ngô hình

bạc thang. Đây đó, ló hiện bản làng của đồng bào với bóng áo chàm thấp thoáng ven nương. Lòng tôi đầy băng khuâng xao xuyến. Mỗi ngày nào nơi cố đô Huế, trong không khí sôi sục Cách mạng tháng Tám, tôi từng hát bài Bắc Sơn với câu mở đầu đầy duyên tiếc: "Ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu gió", những tưởng con người và cảnh sắc một vùng chiến khu sống động chỉ còn là dĩ vãng một thời không trở lại, chỉ là niềm ước ao, mộng tưởng của người thanh niên trí thức nơi cố đô mà thôi. Ấy vậy mà giờ đây, chính mình đang được rong ruổi giữa núi rừng chiến khu Bắc Sơn để nhập vào cuộc chiến rộng lớn: Cuộc kháng chiến trường kỳ quyết liệt với bọn xâm lược Pháp đang mưu toan cướp lại giang sơn đất nước ta lần nữa.

*

* *

(1) Nguyễn Thế Lương tức Cao Pha, lúc ấy là Trưởng ban II, Bộ Tổng tham mưu. Sau này là thiếu tướng, Cục phó cục II, Viện phó Viện lịch sử quân sự.

Chuyến đi này, anh Văn làm việc với Tỉnh ủy và ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lạng Sơn về những việc cấp thiết để đẩy mạnh cuộc chiến đấu trên Đường số 4. Lúc này, cánh quân của Bô-phrê đánh lên Cao Bằng đang cố vòng nổi xuống Bắc Cạn. Ta cần tổ chức tốt để có lực lượng mạnh chia cắt, tập kích địch. Do đó, phải thành lập các tiểu đoàn tập trung, phải có các đại đội độc lập ở các châu huyện sát kề mặt trận như Thất Khê - Na Sầm - Ôn Châu. Vừa có lực lượng cơ động đánh địch, vừa có lực lượng bám đất,

bám dân, phát triển chiến tranh du kích.

Các anh Hoàng Văn Kiêu, Bí thư Tỉnh ủy, Trần Minh Tước Chủ tịch Lạng Sơn đều hứa tiến hành nhanh công việc, huy động sức người, sức của vào công cuộc kháng chiến, biến chỉ thị của trên thành hiện thực. Anh Văn chỉ thị thành lập ngay Ban chỉ huy mặt trận Đường số 4, vì con đường này sẽ trở thành huyết mạch trong việc vận chuyển của địch giữa các cứ điểm đồn bót trên trục Cao Bằng - Lạng Sơn. Anh giao anh Đào Văn Trường thay mặt Bộ đốc chiến ở Lạng Sơn. Anh cũng giao cho tôi ở lại làm đặc phái viên của Bộ ở mặt trận. Tôi có nhiệm vụ đi sát Tiểu đoàn 249, vốn là tiểu đoàn độc lập của Trung đoàn 11 Lạng Sơn, sau này là Trung đoàn 28. Tôi còn phải bám sát cả Tiểu đoàn 23 của Bộ vừa tăng cường cho mặt trận Đường số 4.

Tôi nhận lệnh với niềm say mê hăm hở, khoác ba lô cùng đồng chí Giá, cán bộ địa phương đến Bình Gia, vùng trú quân của Trung đoàn 11.

Chợ Bình Gia vẫn sầm uất đông đúc, nhóm họp dọc kê dưới chân dãy núi đá. Gọi là chợ “tản cư” mà vẫn đủ các loại hàng phở chua, giải khát, đồng bào từ các bản mang tới bán đủ thứ sản phẩm, ngũ cốc, hoa quả, cả những tấm thổ cẩm sắc sỡ, nhiều màu. Vừa tới chợ, tôi bỗng thấy ba người phi ngựa từ phía Văn Mịch tới. Người đi đầu dáng to khỏe, mặc áo bờ-lu-dông Mỹ, khẩu côn bạt đeo trễ hông. Sau anh là một cán bộ khác mặc quần áo chiến lợi phẩm, trừ chiếc mũ nan đội đầu. Cậu chiến sĩ bảo vệ, cuỡi ngựa phía sau khoác khẩu các-bin mới toanh. Thì ra đây là đồng chí Thế Hùng, Tham mưu trưởng Trung đoàn 11 cùng một cán bộ tác chiến vừa chiến thắng trận Bông Lau từ Tiểu đoàn 374 về (sau này là D249/E28). Các anh Liên Đoàn, Long Xuyên, Trung đoàn trưởng và Phó trung đoàn niềm nở, hồ hởi, đón tiếp tôi. Anh Liên Đoàn vừa bắt tay vừa hỏi luôn:

- Hay ỉ à! Có phái viên của Bộ xuống thì tốt quá mà. Bọn tôi vừa đánh một

trận phục kích ở đèo Bông Lau. Đánh sướng lắm! Thắng to à!

Anh chỉ Long Xuyên và Thế Hùng:

- Thắng to nên mấy “Tướng” diện toàn áo Mỹ, súng Mỹ, thắt lưng Mỹ lố!

Long Xuyên nói vui:

- Thắng Tây nó xin thắng Mỹ viện trợ, rồi đem lên Đường số 4 nộp ta mà.

Tôi vui lây niềm vui chiến thắng của các anh. Gảm thấy gần gũi dễ mến những con người khoáng đạt, tâm tình cởi mở này. Tâm trí tôi háo hức lạ lùng, được đến cùng một đơn vị khỏe, đánh giỏi, thắng lớn trận đầu, ai mà chẳng vững lòng hởi dạ. Các anh kể lại:

- Địch đi 32 xe bị diệt mất 27 chiếc. Hơn trăm tên bỏ xác.

Trận đánh 30 tháng 10 năm 1947 này đã là một đòn giữa xương sống cái gọng kìm Bô-phrê.

Thế Hùng, người trực tiếp cùng Tiểu đoàn 374 vào trận, phát tay:

- Hầy i à! Không ngờ nó đi nhiều xe quá! Khuỷp chặt tý nữa thì 5 xe kia không thoát đâu!

Nhìn con Đường số 4 trên tấm bản đồ tỷ lệ 1/100.000 có chấm bút chì đỏ chói nơi điểm Bông Lau, tôi bảo:

- Nó còn bị nhiều trận kiểu này nữa. Trên tuyến Đường số 4 hiểm trở này, chọn điểm phục kích lợi lắm.

Thế Hùng vỗ tay lên trán:

- Lú quá, tý nữa thì quên thông báo tin vui: bắt được một tù binh...

Trận đầu ra quân thắng lớn, lấy nhiều vũ khí, lại bắt được cả tù binh; ai cũng hồ hởi, tò mò hỏi kỹ: Tây hay ngụy, trắng hay đen, lính hay quan.

Trong khói bụi của trận đánh có tiếng trẻ khóc nhìn ra là một chú bé Tây con đang ôm xác bố, bên cạnh hàng chục xác Tây khác. Anh Sáu Nhật được phân công đưa ngay chú ra khỏi trận địa.

Các anh ở Trung đoàn 11 đều là người dân tộc Tày, Nùng, giống nhau một điểm: năng động, hoạt bát, thẳng thắn và rất say mê chiến đấu. Chỉ vài ba câu chuyện là gần gũi thân thiết như trong một nhà ngay. Quen thân rồi một thời gian sau có hôm, Thế Hùng cười cười với tôi, anh nhắc chuyện cũ:

- Hầy, hôm gặp ông ở Bình Gia đó, tôi nghĩ riêng trong bụng: Húi! Phái viên gì mà trẻ quá à! Non choẹt thế này đánh đấm gì. Ồi! Phải là con cưng của Bộ đấy thôi.

Tôi cười:

- Nhưng mình làm ăn ở đất này được chứ!
- Ồi tốt rồi! Hiểu rồi - Anh cười vang - vì thế mới nói lại điều nghĩ cũ cho vui mà. Qua đường dài mới biết ngựa hay chứ!

Hôm tôi xuống bám sát Tiểu đoàn 29 và Tiểu đoàn 374, anh Trần Sơn⁽¹⁾ chính trị phái viên Trung đoàn 11 tặng tôi chiếc áo rét và đôi giày đinh Lê Dương, đôi tất len dài đến gối. Anh Trần Sơn thân mật bảo:

- Đất rừng Lạng Sơn rét dữ à. Tặng ông bạn trước khi ra mặt trận. Trên Bộ “cao hơn” nhưng nghèo hơn bọn này.

Long Xuyên thì nói đùa:

- Đầu gà vẫn hơn đuôi trâu mà... hà hà...

Ngày ấy, Tiểu đoàn 23 đóng ở Hội Hoan, huyện Thoát Lãng đang áp sát Đường số 4 và chuẩn bị đánh một trận phục kích. Tôi muốn xuống ngay để tham gia bàn bạc chung. Vào cuộc chiến, ai mà chẳng sốt ruột khi biết được tình hình chiến sự chung ở mọi nơi đang tiến triển mạnh tới tấp tin vui thắng

lợi. Nào là, bọn Com-muy-nan ở phía Tây bị đánh chìm ca-nô, tàu chiến dọc sông Lô, bị đánh co lại tại vùng Bản Thi, Đàm Hồng, Chiêm Hóa. Thế là phá sản cái kế hoạch hội quân của hai binh đoàn Com-muy-nan và Bô-phrê. Bọn Com-muy-nan đang cố sống cố chết rút về cố thủ ở Tuyên Quang. Nào là binh đoàn Bô-phrê quân dù Xô-va-nhắc bị tập kích liên tục tại vùng Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã, Phủ Thông, Đèo Cả, Đèo Giàng. Đường tiếp viện Cao Bằng, Bắc Cạn hầu như bị cắt đứt.

Vậy thì, ở Đường số 4 này, chúng tôi nhất định phải quật tơi tả gọng kìm Bô-phrê và tiến tới làm khốn đốn bọn đồn trú tại các cứ điểm trên đất Lạng Sơn đẹp người đẹp cảnh, giàu nhiệt huyết cách mạng.

Cuộc đời chiến đấu gắn bó với Đường số 4, với Cao-Lạng của tôi bắt đầu từ hôm rời Trung đoàn bộ 11 một mình một ngựa đến với Tiểu đoàn 23 ở Hội Hoan. Người xưa biểu hiện niềm yêu xứ sở Cao-Lạng bằng câu ca dao:

Ai lên xứ Lạng cùng anh

Bõ công bác mẹ sinh thành ra em

Còn tôi ngày đó, đến với Cao-Lạng, với con Đường số 4 lịch sử, bằng tấm lòng cháy bỏng niềm khát khao: “chiến đấu”, cùng nhân dân Cao - Lạng đánh quỵ bọn giặc Pháp xâm lược trên mảnh đất thơ mộng và hào hùng này.

(1) Trần Sơn sau là thiếu tướng Cục trưởng Cục quản lý kỹ thuật, Bộ Tổng tham mưu.

TỪ BỐ CÙNG - LŨNG VÀI ĐẾN BẢN NĂM

Đường quốc lộ số 4 chạy dọc theo biên giới Việt - Trung, suốt từ Đông Bắc, xuyên lên miền Tây Bắc. Khởi đầu ở mũi Ngọc vùng Móng Cái, Tiên Yên qua Đình Lập - Lộc Bình đến thị xã Lạng Sơn. Từ đây con đường nối Lạng Sơn với Cao Bằng dọc theo các điểm Đồng Đăng - Na Sầm - Thất Khê - Đồng Khê đến tỉnh lỵ và tiếp tới nút cuối của nó ở Nguyên Bình. Toàn bộ con đường dài 340 km vượt qua 3 tỉnh. Đường số 4 tỏa ra những điểm nối ngang vào nhiều ngã đường quan trọng. Ở Tiên Yên nó nối vào Đường số 18 để xuôi về Hòn Gai - Hải Phòng, từ Đình Lập có Đường số 13 xuôi về Chũ, Lục Nam, Bắc Giang. Ngang Lạng Sơn, nó gặp Đường số 1 để dàng xuôi Hà Nội. Ngược lên Đồng Đăng là Mực Nam Quan giáp với Bằng Tường - Long Châu bên Trung Quốc, Cũng từ Đồng Đăng rẽ vào đường huyện lỵ đi được tới chiến khu Việt Bắc qua các điểm Bình Gia

- Bắc Sơn - Vũ Nhai - Đình Cả - Thái Nguyên. Ở Cao Bằng, Đường số 4 gặp Quốc lộ 3 xuôi xuống Bắc Cạn, ngược lên những điểm như Mã Phục - Trà Lĩnh, Phục Hòa, tiếp giáp với rất nhiều nơi thuộc vùng Quảng Tây - Trung Quốc.

Kẻ địch nhìn rõ tầm quan trọng của con đường chiến lược này, nên bằng mọi giá sau khi chiếm cứ Cao Bằng, chúng tổ chức án ngữ dày đặc, chặt chẽ suốt dọc Đường số 4. Vòng đai thép hình thành gồm trên 40 đồn bốt. Bên kia là bọn Tàu Tưởng bố trí chặt chẽ hai vòng vây như hai gọng kìm khóa chặt lấy vùng biên giới. Chúng ngăn chặn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc, đặc biệt chúng chặn các cửa ngõ để không thể có sự vận chuyển tiếp tế cho nhau bằng cơ giới. Phía ta quyết tâm cắt đứt đoạn yết hầu nuôi sống bọn chiếm đóng Cao Bằng mà từ hạt gạo, viên đạn đều phải do ngả Hà Nội - Lạng Sơn tiếp vận tới.

Tôi đã từng chiến đấu ở Đường số 9, số 7 và sau này trên vùng Tây Bắc. Cũng là những đường xuyên rừng núi hiểm trở, nhưng riêng Đường số 4 vẫn gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ về cái thế tuyệt địa khi giặc bị phục kích. Cứ như là thiên nhiên xếp đặt, giăng bẫy sẵn, tạo sẵn cửa tử, giúp ta dẫn dụ mai phục, buộc địch lâm cảnh bất lợi, tiến thoái lưỡng nan.

Ngày đó, tôi đến Tiểu đoàn 25 khi anh em đang gấp rút sắp đánh trận phục kích Bó Củng - Lũng Vài. Đơn vị này từ Tiểu đoàn trưởng Quyền đến chiến sĩ, đa số là người vùng Quảng Ninh, phần đông cán bộ đã từng là những chàng trai hoạt động từ thời kháng Nhật ở chiến khu Đông Triều. Cả Tiểu đoàn trưởng Quyền và Chính trị viên Ái đều vui vẻ nói:

- Anh đến thật đúng lúc. Chúng tôi vừa tổ chức trinh sát thực địa xong. Anh tham gia bài binh bố trận luôn.

Sau đó, tiểu đoàn tập trung cán bộ đại đội, thảo luận kế hoạch tác chiến. Tôi nghĩ thầm khi ngó nhìn sơ đồ: “Họ chọn Bó Củng -Lũng Vài rất đúng!”. Vì lẽ đoạn đèo Bông Lau - Lũng Phầy, Tiểu đoàn 374 của Trung đoàn 11 vừa đánh xong. Nay chọn đoạn gần Lạng Sơn, ắt càng tạo thế bất ngờ với địch. Hơn nữa, địa hình Bó Củng -Lũng Vài vô cùng hiểm trở. Con Đường số 4 vốn hẹp, tới đây lại bị gấp khúc theo sườn núi, một bên vách đứng, một phía khe sâu. Ở đoạn này, hai xe ngược chiều né tránh nhau rất khó. Vô phúc cho chúng, chỉ một chiếc xịt lốp, buộc cả đoàn công-voa ì ra đó, xếp hàng chờ chết nếu bị chặn đánh.

Trong cuộc bàn luận cách đánh, tôi bổ sung một ý kiến, dựa vào sự hiểu biết về thực lực giữa ta và địch hồi đó qua những ngày ở Ban nghiên cứu, Phòng tác chiến trên Bộ. Tôi nói:

- Các đồng chí nên lưu ý điểm này: Hiện tình giặc đang ở thế tiến công. Nhiều quan lính nhà nghề, từng đánh nhau qua cuộc Đại chiến thứ hai tới nay. Chúng biết ta phần nhiều chỉ là công dân vào Vệ quốc đoàn với tấm lòng yêu nước. Ta đâu được học hành cặn kẽ về quân sự, hiểu sâu, nắm vững thuật dụng binh. Vũ khí ư? Đến khẩu súng trường, quả lựu đạn còn thiếu nói chi tới loại hỏa lực mạnh như trung liên, súng cối v.v... Vì vậy, bọn chúng, nhất là tụi Lê dương rất ngỗ ngáo, kiêu ngạo, rất coi thường khả năng tác chiến của ta. Hễ nghe tiếng súng là chúng ào ạt phản công ngay bằng cách áp đảo ta cả về hỏa lực xung lực. Không nhận rõ điều này để bố trí trận địa, phân chia các mũi thích hợp, ta dễ bị lúng túng khi tình huống diễn biến bất ngờ.

Tiểu đoàn tán thành ý kiến đó và chúng tôi bố trí đội hình thành 3 tuyến từ chân lên đến đỉnh núi. Nếu địch táo tợn ào lên phản xung phong, vừa thọc sâu vào đội hình, vừa vu hồi đánh vòng sau lưng ở tuyến đầu thì đã có tuyến hai đối phó. Cho dù chúng có xuyên được qua tuyến hai thì từ trên đỉnh núi, tuyến ba của ta đánh hất chúng xuống.

Chúng tôi dàn trận có chiều sâu như vậy vì ngày đó súng đạn của ta vừa cở lổ, vừa thiếu. Đã thế, lúc bắn, đạn bị xịt, lựu đạn không nổ là thường. Những ai đã từng qua thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đều phải nếm cảnh súng đạn âm ương như chúng tôi cả. Có điều ngày ấy chẳng ai bực bội, thoái chí. Vừa thoát khỏi đời nô lệ, xưa kia đến con dao găm, lưỡi kiếm nhỏ có trong nhà còn phải vạ tù đầy, nói chi tới súng đạn. Giờ chính mình được sử dụng khẩu súng để đánh Tây là khoái rồi, dù chỉ là khẩu Mút-cơ-tông ngắn ngắn, hay khẩu súng Nga dài lâu ghê. Mãi đến bây giờ tuổi đã cao, nhưng mỗi lần nhớ lại những năm tháng vào đầu cuộc kháng chiến trường kỳ của đất nước, tâm hồn tôi vẫn bùng lên niềm rạo rức, bồi hồi. Âm

hưởng của lời ca Đoàn Vệ quốc quân một lần ra đi... cứ vương vấn rạo rạo trong tâm tưởng.

Chúng tôi chiếm lĩnh được trận địa từ đêm. Đông chưa tàn hẳn nên giá lạnh vẫn ôm ấp núi rừng Việt Bắc. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 23 chỉ mang trên mình bộ quần áo vải. Áo trấn thủ chưa có đủ cho mọi người. Anh em phần đông là thanh niên vùng xuôi, nom họ bé nhỏ chứ không to đậm như các chàng trai đất Cao - Bắc - Lạng. Nhưng họ tháo vát nhanh nhẹn, tính tình vui nhộn, lém lỉnh lạ. Buổi chiều hôm hành quân tiến ra trận địa, có cậu cứ đánh trống mõm, hát nhại câu ca xưa rất tếu:

*Mình về nuôi cái cùng con,
để anh “đánh giặc” ở nước non từ Lạng Sơn tới Cao Bằng.
Ngày về anh tặng khẩu “Mút-co-teeng”.*

Trời lạnh, lúc hành quân vận động còn đỡ nổi cảm cảm. Đến khi chờ địch ở trận địa mới buốt da, buốt thịt. Vậy mà các cậu lính trẻ vẫn vừa xuýt xoa, vừa tán cười lích rích:

Với tinh thần “quyết tử” của các chiến sĩ Thủ đô tháng 12 năm 1946, Tiểu đoàn 23 đã đánh gục địch giữa núi rừng Đường số 4. Trận Bó Củng - Lũng Vài thắng đẹp. Đây là trận đầu tiên trên Đường số 4, ta bắt được tù binh. Chúng tôi cho giải ngay 6 tên Lê dương bị bắt sống lên trên để Ban địch vận khai thác tài liệu. Điều vui mừng nhất là thu được nhiều vũ khí, loại súng cối 60 ly, đui-xét (12 ly 7) đang là của hiếm. Nay tiểu đoàn trở nên giàu có, lại có cả đài phôn-ni nữa.

Nếu trận Bông Lau của Tiểu đoàn 374 là trận đầu tiên như tiếng chim báo bão, báo hiệu sự nguy kịch của bọn viễn chinh trên Đường số 4, thì trận Bó Củng - Lũng Vài (2/48) của Tiểu đoàn 23 sáng tỏ niềm tin lớn. Phương

châm “Lấy súng giặc giết giặc” và lời dạy của Bác Hồ đã trở thành hiện thực khi giặc tiến công lên Việt Bắc. Bác Hồ đã nói những lời xác đáng. Tôi nhớ đại ý như sau: Giặc hùng hổ tiến công lớn lần này cũng là một dịp chúng dẫn thân, phơi bày giữa vùng rừng núi. Ta có điều kiện đánh địch ngoài công sự, đồn bốt, ta dễ tiêu diệt chúng hơn.

Trận thắng gọn một đoàn 16 xe ở Bó Củng - Lũng Vài đã chứng minh thật xác đáng lời Bác Hồ dạy. Dù còn non yếu cả về lực lượng, vũ khí, nhưng với lòng căm thù giặc sâu sắc, được sự chỉ đạo sáng suốt của Bác, của Trung ương, ta có thể đánh tan quân đội viễn chinh xâm lược Pháp.

Thiếu súng đạn ư? Thiếu khí tài ư? Rét lạnh vì thiếu quân trang ư? Thiếu thốn quân dụng ư? Con Đường số 4 này sẽ là nguồn bổ sung lớn nếu ta làm chủ được nó với những trận phục kích giỏi và những trận tập kích tốt vào đồn bốt giặc.

Ý nghĩ đó vang dội trong trí tôi khi nhìn thấy anh em Tiểu đoàn 23 sau chiến thắng ồn ào mang vác súng đạn, quân trang quân dụng, khí tài chiến lợi phẩm, kéo về Hội Hoan, vùng hậu cứ của Tiểu đoàn 23; ở đây, bà con dân bản và đồng bào ở thị xã Lạng Sơn tản cư đến, tung bừng đón chờ những người chiến thắng.

Chúng tôi chiếm lĩnh được trận địa từ đêm. Đông chưa tàn hẳn nên giá lạnh vẫn ôm ấp núi rừng Việt Bắc. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 23 chỉ mang trên mình bộ quần áo vải. Áo trấn thủ chưa có đủ cho mọi người. Anh em phần đông là thanh niên vùng xuôi, nom họ bé nhỏ chứ không to đậm như các chàng trai đất Cao - Bắc - Lạng. Nhưng họ tháo vát nhanh nhẹn, tính tình vui nhộn, lém lỉnh lạ. Buổi chiều hôm hành quân tiến ra trận địa, có cậu cứ đánh trống mõm, hát nhại câu ca xưa rất tếu:

Mình về nuôi cái cùng con, để anh “đánh giặc” ở nước non từ Lạng Sơn tới Cao Bằng.

Ngày về anh tặng khẩu “Mút-co-teeng”.

Trời lạnh, lúc hành quân vận động còn đỡ nổi căm căm. Đến khi chờ địch ở trận địa mới buốt da, buốt thịt. Vậy mà các cậu lính trẻ vẫn vừa xuyt xoa, vừa tán cười lách rich:

- Ối! Pi - noọng ơi! Rét quá lớ! Rét thấy ông bà ông vải thằng Tây mũi lỗ vớ.

May mắn sao các anh ở Trung đoàn 11 lại tặng tôi chiếc áo trấn thủ. Vậy mà tôi vẫn thấy tái tê vì hơi lạnh của núi đá, giá buốt của sương muối, rét cóng qua từng cơn gió rừng xào xạc.

Sau trận bị phục kích ở Bông Lau, mỗi lần vận chuyển trên Đường số 4, địch thận trọng hơn.

Lần này, chúng cho một xe Háp - trắc đi đầu chở hơn trung đội Pháp. Qua đồn Bó Củng, số đông nhảy xuống khỏi xe sục sạo hai bên đường tiến lên Lũng Vài... Chốc chốc chúng lia bừa Tôm - sơn vào rừng thị uy. Xem chừng yên ổn, chúng báo hiệu. Phía sau các xe hành tiến, cự ly cách xa. Đội hình địch đã lọt vào trận địa đại Đội I, chúng đi thưa và dùng máy dò mìn. Tôi và Quyến liếc nhìn nhau, “Có thể bị lộ lắm chứ”! Quả nhiên, một phút sau dưới đường tên cầm máy dò mìn kêu to:

- Attention mine⁽¹⁾.

Lúc này, đoạn cuối của chúng chưa lọt hẳn vào trận địa. Nhưng chớp thời cơ địch đang hoang mang, rạt xuống bên đường, Quyến hạ lệnh nổ súng. Thế là mìn đồng loạt nổ tung, súng trường lựu đạn từ sườn núi sả xuống mặt đường. Khẩu trung liên “đầu bạc” duy nhất của tiểu đoàn quét dài.

Quả đúng như chúng tôi dự đoán, bọn Lê dương thiện chiến, qua giây lát bàng hoàng ban đầu, chúng không thấy tiếng đại liên, súng cối liền hét:

- Mousqueton, pas peur⁽²⁾. Chúng lia tiểu liên Tôm - xon lao ào lên chiếm đồi.

Nhưng rừng núi và thể mạnh đánh giáp lá cà bằng đao kiếm, lưỡi lê, bằng ý chí diệt thù cứu nước, là của chúng tôi. Sau tiếng còi lệnh rút dài, cả tuyến trận địa bật thốc dậy hết vang tiếng xung phong.

Với tinh thần “quyết tử” của các chiến sĩ Thủ đô tháng 12 năm 1946, Tiểu đoàn 23 đã đánh gục địch giữa núi rừng Đường số 4. Trận Bồ Củng - Lũng Vài thắng đẹp. Đây là trận đầu tiên trên Đường số 4, ta bắt được tù binh. Chúng tôi cho giải ngay 6 tên Lê dương bị bắt sống lên trên để Ban địch vận khai thác tài liệu. Điều vui mừng nhất là thu được nhiều vũ khí, loại súng cối 601y, đui-xét (12-7) đang là của hiếm. Nay tiểu đoàn trở nên giàu có, lại có cả đài phô-ni nữa.

Nếu trận Bông Lau của Tiểu đoàn 374 là trận đầu tiên như tiếng chim báo bão, báo hiệu sự nguy kịch của bọn viễn chinh trên Đường số 4, thì trận Bồ Củng - Lũng Vài (2 - 48) của Tiểu đoàn 23 sáng tỏ niềm tin lớn. Phương châm “Lấy súng giặc giết giặc” và lời dạy của Bác Hồ đã trở thành hiện thực khi giặc tiến công lên Việt Bắc. Bác Hồ đã nói những lời xác đáng. Tôi nhớ đại ý như sau: Giặc hùng hổ tiến công lớn lần này cũng là một dịp chúng dẫn thân, phơi bày giữa vùng rừng núi. Ta có điều kiện đánh địch ngoài công sự, đồn bót, ta dễ tiêu diệt chúng hơn.

Trận thắng gọn một đoàn 16 xe ở Bồ Củng - Lũng Vài đã chứng minh thật xác đáng lời Bác Hồ dạy. Dù còn non yếu cả về lực lượng, vũ khí, nhưng với lòng căm thù giặc sâu sắc, được sự chỉ đạo sáng suốt của Bác, của

Trung ương, ta có thể đánh tan quân đội viễn chinh xâm lược Pháp.

Thiếu súng đạn ư? Thiếu khí tài ư? Rét lạnh vì thiếu quân trang ư? Thiếu thốn quân dụng ư? Con Đường số 4 này sẽ là nguồn bổ sung lớn nếu ta làm chủ được nó với những trận phục kích giỏi và những trận tập kích tốt vào đồn bốt giặc.

Ý nghĩ đó vang dội trong trí tôi khi nhìn thấy anh em Tiểu đoàn 23 sau chiến thắng ồn ào mang vác súng đạn, quân trang quân dụng, khí tài chiến lợi phẩm, kéo về Hội Hoan, vùng hậu cứ của Tiểu đoàn 23; ở đây, bà con dân bản và đồng bào ở thị xã Lạng Sơn tản cư đến, tung bừng đón chờ những người chiến thắng.

*

* *

(1) Attention mine: Cần thận mìn

(2) Mousqueton, pas peur: súng Mút-cơ-tông, không đáng sợ.

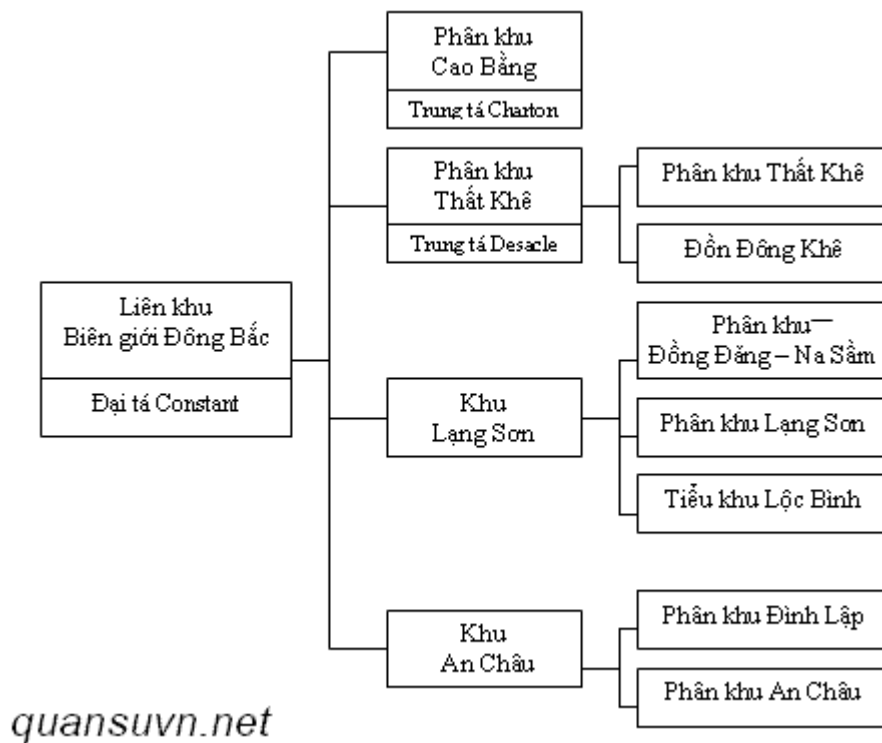
Cuộc tiến công ồ ạt của địch lên chiến khu Việt Bắc hoàn toàn bị thất bại. Gọng kìm của Com-muy-nan bị đánh tơi tả, cố thủ ở Tuyên Quang không xong, đành rút chạy theo ngả Sơn Dương và dọc sông Lô xuống Việt Trì về Hà Nội. Gọng kìm phía Đông của Bô-phrê chùn lại ở Cao Bằng.

Địch cố gắng duy trì con Đường số 4 bằng một hệ thống đồn bốt để nối thông xuống Lạng Sơn ngoặt về Móng Cái. Chúng đặt chỉ huy sở quân khu biên thủy ở Lạng Sơn do tên quan năm Công-xtăng chỉ huy. Công-xtăng chia quân khu thành 2 phân khu Bắc và Nam. Lực lượng của chúng có một

trung đoàn Lê dương số 3 (3e REI), một tiểu đoàn bộ binh An-giê-ri số 23 (23e BTA) và một tiểu đoàn ngự.

Chỉ huy sở trung đoàn Lê dương số 3 ở Cao Bằng. Tiểu đoàn 1 của nó chốt giữ từ Bắc Cạn đến Cao Bằng với 7 đồn rải dọc tuyến mà đồn Phủ Thông là điểm án ngữ quan trọng. Tiểu đoàn 3 giữ từ Cao Bằng đến Đông Khê rải 4 đồn dọc Đường số 4 và một số đồn nhỏ theo đường nhánh áp sát biên giới Trung Quốc. Tiểu đoàn 2 đóng ở Thất Khê rải 6 đồn án ngữ dọc Đường số 4, tiếp thêm một nhánh vươn kề biên giới Trung Quốc.

Phân khu phía Nam chia thành 2 tiểu khu: Na Sầm - Đồng Đăng được coi là tiểu khu I; tiểu khu 2 canh giữ hướng Lộc Bình tới Móng Cái.



Nguồn hình ngoài hồi ký, xem thuộc tính của hình

Tuy cuộc tiến công vào chiến khu Việt Bắc thất bại, song giặc Pháp chiếm

đóng Đường số 4 và Đường số 3 tới Bắc Cạn, mong tạo thế chĩa một mũi dao nhọn vào chiến khu Việt Bắc, lăm le chờ cơ hội thọc sâu vào chiến khu. Do đó, con Đường số 4 trở nên rất quan trọng. Ai làm chủ được ắt nắm thế chủ động chiến lược, chẳng những ở riêng chiến trường Việt Bắc mà còn chung cả chiến cuộc toàn Bắc Bộ. Giặc cố tạo thành một tuyến đồn bót vững chắc dày đặc công sự dọc Đường số 4 vừa khống chế ta, vừa bảo đảm sự tồn tại của chúng ở Cao-Bắc-Lạng. Ta quyết chặt đứt con đường huyết mạch này. Mất nó, quân khu biên thủy Cao - Bắc - Lạng của Công-xtăng không đứng vững nổi, đồng thời thế uy hiếp của giặc bị đẩy lùi, buộc sẽ co cụm dần xuống miền Trung du, cửa ngõ của đồng bằng Bắc Bộ.

Sau trận chiến thắng Bó Củng - Lũng Vài, tôi rời Tiểu đoàn 23 sang Tiểu đoàn 374 bàn cách đánh, tiếp tục uy hiếp mạnh Đường số 4. Tiểu đoàn trưởng Bắc Quân người dưới xuôi, đáng tâm thước, tính tình năng nổ. Vừa đánh thắng Bông Lau, được tin Tiểu đoàn 23 ra đòn Bó Củng - Lũng Vài, Bắc Quân càng hăng, muốn đơn vị mình có thêm chiến thắng mới.

Bị hai lần thua đau liên tiếp trên Đường số 4, địch đối phó bằng cách tăng thêm đồn bót, tung bọn Lê dương - Bắc Phi tuần tiểu nghiêm ngặt. Mỗi lần vận chuyển, chúng tổ chức phòng bị kỹ hơn, tăng cường sức hộ tống, phân bố đội hình vận chuyển thận trọng dè dặt hơn. Muốn đánh địch lúc này, phải sử dụng lực lượng mạnh mới đủ sức áp đảo, tạo thế bất ngờ mới chắc thắng. Phần đông cán bộ chiến sĩ của Tiểu đoàn 374 là người Lạng Sơn, Cao Bằng; anh em rất thông thạo địa hình dọc hai bên Đường số 4.

Con đường này có hai điểm hiểm yếu nhất, hai cửa tử của thế trận phục kích là đoạn Bông Lau - Lũng Phầy và Bó Củng - Lũng Vài, ta đã đánh rồi. Không thể để địch rảnh rang vận chuyển, có thời gian củng cố các vị trí án ngữ dọc tuyến. Mỗi lần ngó vào bản đồ, cái vệt ngoằn ngoèo uốn khúc gập ghềnh của con Đường số 4 như có chất nam châm hút tâm trí tôi. Anh em

trong đội trinh sát thường xuyên bám sát đường để nắm quy luật đi lại của địch.

Một hôm, trinh sát Lâm kể:

- Qua các đoạn nguy hiểm, sợ bị đánh như Bông Lau - Lũng Phầy, Bó Củng - Lũng Vài, Tây nó đi thận trọng lắm, có xe bọc thép, có tụi hộ tống chiếm các điểm cao trước lối.

Tôi đề ý đến lời bàn tán của các chiến sĩ. Đồng chí Sài nói:

- Hầy, nó chỉ thích nghỉ lại ăn uống ở chỗ Bản Nặm thôi. Lần nào cũng vậy à!

Lập tức tôi hỏi chuyện, tìm hiểu thêm. Con Đường số 4 đang quanh co gấp khúc, tới đây như trải dài giữa một khoảng trống rộng. Hai bên thoải thoải ruộng bậc thang. Từ ngày giặc chiếm, chúng đốt trại làng bản, bà con bỏ chạy, làm lán trong rừng, hoặc về những bản xa. Giữa nơi trống địa, bọn giặc cho ta không dám chọn điểm phục kích ở đây. Vì từ bìa rừng, chân núi ta khó vận động băng qua ruộng trống để xung phong tiếp cận đường. Chỉ cần vài khẩu trung liên, chúng có thể lia không thương tiếc nếu ta ló ra khỏi rừng rậm. Có giỏi lắm cũng chỉ giật được một quả mìn, nhưng dây mìn chôn giấu sao nổi ở khoảng trống rộng như vậy. Do đó, cứ mỗi cuộc vận chuyển, sau khi qua khỏi cửa tử, địch đều nghỉ lại rất lâu ở Bản Nặm, ung dung ăn uống, xả hơi đùa cợt với bọn con buôn và lũ gái điếm vẫn bám theo các đoàn vận chuyển.

Ồ, điểm bất ngờ là đây rồi! Thế bất ngờ thường chiếm quá nửa phần thắng trong các trận đánh phục kích. Còn gì tốt bằng đánh địch trong lúc chúng không phòng bị, đang phớn phơ ăn uống, nghỉ ngơi. Chỉ cần khắc phục quãng trống trải mà thôi. Thiên thời, địa lợi, nhân hòa là ba yếu tố lớn giúp người dùng binh chiến thắng, chúng tôi có cả, duy phần địa lợi bị giảm một nửa. Điểm cao trên núi, rừng rậm bao quanh đã ổn, chỉ còn cái khoảng

trắng địa kia mà chịu bó tay sao? Phải có gan thôi. Gan chứ đâu phải liều lĩnh. Đây chính là táo bạo. Đánh giặc không có gan, táo bạo, chỉ dựa vào mọi điều thuận lợi, còn đâu giành được bất ngờ, chớp được thời cơ.

Bắc Quân và Tiểu đoàn phó Khiếu ưng ý lắm. Tôi thầm nghĩ: Muốn ăn chắc, tránh thế uy hiếp của giặc, phải sử dụng binh hỏa lực mạnh. Một tiểu đoàn vào trận e bị mỏng.

Với tư cách là đặc phái của Bộ, tôi kéo Bắc Quân sang Hội Hoan, bàn luận với tiểu đoàn trưởng Quyển. Cả hai tiểu đoàn đánh, sẽ có hỏa lực mạnh áp ngay vào đội hình địch từ phút đầu tiên. Nhiều quân, bố trí thế trận sâu rộng mới khắc phục được nhược điểm của địa hình trắng rộng ở Bản Nặm.

Cả Bắc Quân và Trần Quyển nhất trí liền. Sau trận thắng, ai cũng muốn đánh thêm để có nhiều vũ khí chiến lợi phẩm trang bị cho đơn vị. Ai cũng muốn loại dần những khẩu súng ọc ạch, cũ kỹ năm cha, ba mẹ “kiểu Mút-cơ-tông” của Pháp, “Thất cửu” của Tưởng hay loại súng “Nga hoàng” cở lỗ sĩ. Thế là chúng tôi tổ chức đi trình sát thực địa. Một đoàn cán bộ gồm đại biểu ban chỉ huy tiểu đoàn, đại đội, và tôi cùng một tiểu đội trình sát. Từ Hội Hoan qua Văn Mịch, chúng tôi tìm đến Kéo Lâm. Đây là một bản nhỏ trên đỉnh đèo, nhìn xuống cánh đồng Thất Khê, vựa lúa của đất Lạng Sơn, mà cũng là vùng nổi tiếng trai hùng gái lịch. Nghỉ lại ở Kéo Lâm, chúng tôi cho trình sát tìm bắt liên lạc với Ban chỉ huy đại đội địa phương huyện Tràng Định. Hôm sau, đồng chí Đình Giang chỉ huy đại đội của huyện tới. Túm được ông “Thỏ công” này quả là tuyệt diệu. Đình Giang, người dong cao, đẹp trai, người bản Nà Nọng đất Tràng Định. Vốn là một chàng trai đã từng tham gia hoạt động từ lúc cách mạng chưa cướp được chính quyền, rồi lại có mặt trong những trận đánh quân Quốc dân đảng theo Tàu Tưởng về cướp đất Lạng Sơn.

Đêm ấy, Đình Giang lấy hai du kích dẫn đường đưa chúng tôi rời Kéo Lâm đến Quyền A vượt sông Kỳ Cùng qua phía Đông Bắc Đường số 4, trú quân ở Bản Bon. Từ Bản Bon đến Bản Nầm phải men dọc sông Kỳ Cùng uốn lượn quanh rừng rậm. Chúng tôi đi ban ngày len lỏi qua rất nhiều ghềnh dốc hiểm trở. Con sông Kỳ Cùng bắt nguồn từ khe núi phía Bắc Đình Lập chảy qua Lộc Bình - thị xã Lạng Sơn vươn tới Na Sầm, Thất Khê rồi vòng đến Bình Nghi sang vùng Long Châu - Trung Quốc. Nó len qua núi rừng, tiếp nhận hàng trăm con suối nhỏ đổ vào. Mùa khô, khe suối cạn, con sông Kỳ Cùng nước chảy lờ đờ, uốn lượn mềm mại. Khi mùa mưa tới, nó vật mình phình rộng ra, hung dữ lạ. Dòng sông ào ạt, cuộn cuộn kéo theo dòng nước lũ đỏ ngầu, những khúc gỗ lớn, cây cành ngã đổ. Hôm chúng tôi đi trinh sát, con sông đang mùa lạnh dịu, làn nước trong veo như dải lụa mềm mại trải quanh co, lẩn quất trong lòng rừng già.

Đang men dọc sông gặp một lối mòn, Đình Giang dẫn chúng tôi rẽ vào một thung lũng. Từ đây đến Bản Nầm còn độ 3km nữa. Đình Giang và hai du kích bàn bạc với nhau bằng tiếng Tày, rồi anh bảo tôi:

- Phải nghỉ lại đây chờ tối mới vào gần Bản Nầm được. Ban ngày không nên đi. Gặp địch lộ mất à.

Rừng chiều êm ả. Những mảng nắng lọt qua khe lá, thả những đốm vàng nhiều hình thù xuống nền đất. Thỉnh thoảng tiếng chim rúc, loại gõ kiến màu xanh, rúc một hồi khắc khoải. Đôi khi, giọng hát của con khiêu bách thanh, lảnh lót ở bụi cây rậm rịt la đà phía xa. Chúng tôi ăn ngon lành nắm cơm chấm muối vùng trộn lạc do đồng bào ở Bản Bon đùm gói cho. Sau đấy tản ra từng gốc cây, gò đá nghỉ chờ tối. Vào lúc hoàng hôn, tiểu đội trinh sát lên đường trước, sục dò tìm dấu vết địch. Sau đó cả đoàn lặng lẽ đi theo. Đến

một mỏm núi đất phía Đông Bắc Đường số 4, chúng tôi nhìn rõ toàn bộ địa hình khu vực Bản Năm. Toàn cảnh nom hết lòng chảo. Vệt Đường số 4 vạch qua giữa trảng đồng ruộng bậc thang rộng dài trên một ki-lô-mét. Đồi núi lúp xúp nhô quanh xen kẽ từng vạt rừng nhỏ. Bọn địch vẫn nghỉ ngơi ở đây trước khi qua cầu Bản Trại để kéo vào cánh đồng Thất Khê.

Ôi! Nếu quả địch còn nghỉ giữa lòng chảo thì có khác nào bầy hươu nai khờ dại, nô rồn dưới thung sâu mà chúng tôi là những tay thợ săn bao bủa trên những ngọn đồi có mảng rừng nhỏ vây quanh. Cái thế bủa vây đã rõ. Chỉ cần bí mật khi chiếm lĩnh trận địa, bèn gan mai phục và hành tiến mau lẹ qua khoảng trống, từ điểm xuất phát xung quanh tới chỗ cận chiến giáp địch là cầm chắc phần thắng.

Chúng tôi bàn tính cách bố trí binh hỏa lực, phân công rõ từng điểm của từng đơn vị.

Tôi bảo với cả đoàn:

- Giờ ta chia tay, từng đơn vị đi khảo sát cụ thể điểm phục của mình trong đêm nay. Mai về tập kết ở Bản Bon. Sau đó ta lên phương án tác chiến, kế hoạch triển khai và ấn định ngày giờ nổ súng.

- Tốt rồi!

- Đi mau về sớm vợ!

- Ai đi việc nấy à.

Cả đoàn ồn ào tán thành, rồi hồ hởi từng tốp nhỏ tạm biệt nhau lẫn vào rừng đêm mờ đục ánh trăng non.

Địch lọt vào giữa cánh đồng. Lúc đầu còn ra vẻ cảnh giác, chia nhau cảnh giới hai bên đường. Không thấy động tĩnh, chúng xuống xe, phè phỡn xả hơi sau một chặng đường dài nguy hiểm.

Vào lúc địch sơ hở, bất ngờ nhất, ta phát lệnh nổ súng. Từ bốn phía, hỏa lực áp đảo, tiếp theo tiếng kèn xung trận, quân ta lao thẳng vào địch. Tây trắng, tây đen, cả bọn gái điếm, bọn con buôn đi theo xe đều vứt bỏ vũ khí, hàng hóa, chui rúc tìm nơi tránh đạn hoặc quỳ gối giơ tay hàng.

Gần hai trăm tên địch bỏ mạng, ba chục tên bị bắt làm tù binh. Ta thương vong không đáng kể. Chúng tôi thắng trận Bản Nặm. Giặc đến và giặc bị tiêu diệt tan tác hoàn toàn đúng như dự kiến của chúng tôi khi tổ chức trận đánh. Mọi tình huống diễn biến xảy ra cứ như chính chúng tôi xếp đặt, quy định cho số phận chúng vậy. Địch đã phải trả giá đắt về sự khinh khi, ngạo mạn đầy chủ quan, mất cảnh giác. Còn chúng tôi, vững tin hơn, có thêm kinh nghiệm: “Đánh địch mạnh cần phải mưu trí, táo bạo, ít súng đạn vẫn thắng được địch nếu tạo nên thế bất ngờ, vào thời điểm bất ngờ, ở một không gian bất ngờ nhất”. Cái mà kẻ địch nghĩ: “Không có thể, không bao giờ”, thì chúng tôi lại nghĩ: “Có thể làm nên chuyên”.

Sau trận thắng, nhân dân vùng Trảng Định hồ hởi, nô nức thăm nom uly lạc bộ đội. Bà con kháo nhau:

- Vệ quốc đoàn giỏi lắm mà! Sắp đánh vào cả đồn Tây nữa.

Tôi còn nhớ, hôm đánh xong, rút về vùng Bản Tồn tôi ở nhà Cụ Sâm. Cụ già cứ hỏi tôi:

- Chỉ huy à? Bao giờ đánh trận nữa đây, đánh cho hết Tây để dân bản sướng bụng chớ.

Cụ pha một ấm trà ngon mời tôi uống. Sau đó cụ lễ mễ bung ra một vò mật ong, cười rung cả bộ râu:

- Cái nè bổ lắm vớ! Uống khỏe người, mạnh sức lắm vớ!

Vừa nói cụ vừa rót cho tôi một chén đặc quánh, gật gù:

- Mật ong để lâu uống say như uống rượu à. Uống mừng chỉ huy đánh thắng Tây vớ!

Sau này, mỗi lần đi nghiên cứu trận địa trên Đường số 4 hoặc đánh thắng về qua Bản Tồn, tôi vào thăm cụ là y như rằng cụ lại mời tôi chén mật ong để dành lâu năm nhất.

LIÊN TỤC TIẾN CÔNG, NHIỀU VẼ CHIẾN THẮNG

Sau trận Bản Nặm, Bộ quyết định tôi ở luôn lại đất Lạng Sơn làm Trung đoàn phó Trung đoàn 28 của tỉnh. Ít lâu sau, do anh Liên Đoàn chuyển công tác khác, tôi làm Trung đoàn trưởng. Trên cử anh Hà Kế Tấn làm Chính uỷ. Cuộc đời chiến đấu của tôi cứ mỗi ngày một gấn bó sâu nặng hơn, thân thiết hơn với mảnh đất Lạng Sơn kiên cường, bất khuất. Tỉnh Lạng Sơn từ xa xưa

vẫn nổi tiếng là vùng đất đẹp đẽ, hào hùng, miền địa đầu Tổ quốc. Một tỉnh có bề dày lịch sử về kỳ tích chiến thắng quân xâm lược phương Bắc qua bao thế kỷ. Lê Đại Hành diệt quân Tống, giết tại trận tướng Hầu Nhân Bảo ở Chi Lăng năm 981. Năm thế kỷ sau, năm 1428 cũng tại nơi này, thời Lê Lợi, Nguyễn Trãi, quân ta diệt Liễu Thăng, đánh tan tác bọn viện binh hùng cứ vẫn cơ đồ cai trị của nhà Minh khi Vương Thông đang bị vây chặt trong thành Đông Quan.

Về vang nhất là chiến Công thời Lý, thế kỷ 11 với lời thơ hào hùng: Nam quốc sơn hà Nam đế cư của võ tướng tài ba Lý Thường Kiệt, người thực hiện hiệu nghiệm chủ thuyết tiến công để phòng ngự, thủ hòa trên thế mạnh. Tới Lạng Sơn, mỗi khi nhớ đến anh Hoàng Văn Thụ, lòng tôi cảm kích vô cùng. Người trai xứ Lạng ra pháp trường với khí tiết, khẩu khí hùng hồn của người cộng sản, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng thời 1943.

Việc nước xưa nay có bại thành

Miền sao giữ trọn được thanh danh

Lời thơ, lời vĩnh biệt tâm huyết ấy của anh vẫn vang vọng đời đời với núi rừng, làng bản xứ Lạng, nơi đã sản sinh ra một con người bất khuất, một tâm hồn bất tử.

Lạng Sơn chẳng những có cái thế hiểm của vùng đất rừng rậm, non cao, sông sâu, vực thẳm mà cũng là xứ sở của những danh lam thắng cảnh tuyệt vời. Người Việt Nam nào mà chẳng thuộc lòng câu hát:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh

Cái dáng Vọng Phu trên núi, giữa một thành phố miền núi, soi bóng xuống dòng sông Kỳ Cùng nhấp nhোáng nắng vàng buổi sớm, tím biếc sắc lam buổi

chiều gọi ta bao cảm xúc dạt dào về cái hùng tráng vĩ đại, vừa thơ mộng, vừa sôi động lao lung của người và cảnh quê hương xứ Lạng.

Hồi mới đến đây còn ngỡ ngàng vô cùng. Dần dà qua những tháng ngày chiến đấu, qua cuộc sống gắn bó với cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 28 (từ 6-1948, trung đoàn II đổi phiên hiệu thành Trung đoàn 28; Tiểu đoàn 374 thành Tiểu đoàn 249), gần gũi với bà con thôn bản, tôi đã thông thuộc thủy thổ, địa thế suốt dọc hai bên Đường số 4 như biết rõ từng vệt chỉ tay của chính lòng bàn tay mình. Thuộc cả câu hát sli, hát lượn tình tứ ý vị, mà các chàng trai, cô gái Tày, Nùng hay hát vào phiên chợ hoặc vui hội hè chiến thắng:

Bì cóc noọng đây lai chắp khi và

Mí cần ngòi chinh vại pây đại

Nghĩa là:

Hoa em đẹp lắm ở vùng trâu vầy

Không người săn, sóc héo hơn thay...

Qua những lần làm việc với các anh ở Tỉnh uỷ Lạng Sơn và các cán bộ ở các huyện, tôi càng hiểu thêm về phong trào cách mạng của tỉnh. Lạng Sơn nằm chung trong địa thế vùng căn cứ địa Việt Bắc nên rất giống các tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn - Thái Nguyên, sớm có phong trào cách mạng, tinh thần yêu nước của nhân dân rất cao. Ở đây sau ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám là nơi đụng đầu gay gắt quyết liệt giữa Mặt trận Việt Minh và bọn Quốc dân đảng, cả lũ Phục Quốc, Việt Cách của Nguyễn Hải Thần nữa. Trước đây, tôi vẫn tưởng chỉ có Nam Bộ là nơi khởi đầu tiếng súng chống xâm lược Pháp trở lại, sớm nhất sau ngày 2 tháng 9 năm 1945, ngày Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Các anh ở Tỉnh uỷ Lạng Sơn, là những người kỳ cựu của phong trào cách mạng tỉnh nhà. Những người kế cận nhất của anh Hoàng Văn Thụ đã kể cho tôi biết: “Chính Lạng Sơn cũng là nơi phải chiến đấu chống chọi với thù trong giặc ngoài ngay từ sau ngày Độc lập 2 - 9 -1945.

Nhân dân Lạng Sơn mới hưởng niềm vui Độc lập được ít ngày thì quân Tưởng kéo sang, theo danh nghĩa Đồng minh giải giáp quân đội Nhật. Chúng sang kéo thêm cái đuôi là bọn Quốc dân đảng theo đóm ăn tàn, hòng dựng nên một chính phủ tay sai của Tàu Tưởng. Bọn Tàu Tưởng sang đến Lạng Sơn đòi thủ tiêu Mặt trận Việt Minh, lập chính quyền do Quốc dân đảng chấp chính. Được sự chỉ đạo sáng suốt, mềm dẻo của Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời lúc bấy giờ, Tỉnh uỷ Lạng Sơn đã rút ra ngoài thành để giữ bí mật, chỉ đạo phong trào. Bọn Tàu Tưởng và lũ Quốc dân đảng chiếm cứ các công sở ở thị xã, rất hùng hổ nháng nhít. Nhưng vòng ngoài thị xã vẫn do ta kiểm soát. Ngay trong thị xã, hầu hết mọi người không kẻ Kinh hay Tày, Nùng đều một lòng một dạ theo Chính phủ Cụ Hồ, ủng hộ Việt Minh, ủng hộ bộ đội, dân quân, tự vệ, bảo vệ chính quyền. Tỉnh uỷ đã chỉ đạo cuộc chiến đấu không khoan nhượng với bọn Quốc dân đảng. Với bọn Tàu Tưởng, nhân dân tìm trăm phương nghìn kế vừa mua bán đổi chác vừa tìm cách đánh chặn và cướp súng đạn của chúng. Súng đạn và các loại vũ khí ngày ấy là của quý đối với chính quyền và quân đội non trẻ chúng ta.

Rồi Hiệp ước mong 6 tháng 3 năm 1946 như một nhát chổi quét sạch bọn Tàu Tưởng về bên kia biên giới, quét luôn đám rác rưởi Quốc dân đảng cùng lũ Phục Quốc, Việt Cách khỏi đất Lạng Sơn. Thị xã Lạng Sơn lại tung bừng cờ đỏ sao vàng. Chính quyền và nhân dân cùng anh bộ đội Vệ quốc đoàn khăng khít hồ hởi xây dựng cuộc sống mới, cuộc sống của người dân sau 80

năm dài nô lệ nay đứng lên mưu cầu Độc lập, Tự do, Hạnh phúc cho quê hương xứ sở. Xứ Lạng hòa nhịp cùng cả nước vâng lời vị Cha già dân tộc hăng hái diệt giặc đói, giặc dốt, sẵn sàng đối phó với bọn xâm lược.

Thế rồi theo quy chế của Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), bọn thực dân Pháp được đến đóng quân ở Lạng Sơn. Ngày kéo vào Lạng Sơn, chúng điều võ dương oai phô trương xe tăng, thiết giáp, pháo binh diễu qua đường phố. Ngày ấy, anh bộ đội Vệ quốc quân và các chàng trai tự vệ của thị xã, chỉ toòng teng trên vai khẩu súng trường hoặc thanh đại đao, lưng đeo thây lầy vài quả lựu đạn. Nhưng sức mạnh lớn lao của họ là toàn thể nhân dân Lạng Sơn không chỉ là ở phía sau, mà ở bên cạnh. Người chiến sĩ Vệ quốc quân thuộc Tiểu đoàn 374, Trung đoàn 11 (tiền thân của Trung đoàn 28) đưa con đầu lòng của xứ Lạng nom đơn sơ, áo vải, súng trường mà lại rất hùng dũng trong tư thế của người chiến sĩ một đất nước Độc lập, Tự do.

Nhưng rồi giặc Pháp đã phản bội hiệp ước, gây hấn, nổ súng ở Lạng Sơn vào tháng 11 năm 1946 cùng ngày với Hải Phòng. Cũng từ đây, cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp của quân và dân xứ Lạng bắt đầu. Tiếng súng chống giặc Pháp xâm lược đã nổ trước ngày toàn quốc kháng chiến một tháng.



Chuyến thăm Lạng Sơn của tướng Các-păng-chi-ê (Carpentier), tư lệnh quân Pháp ở Đông Dương, với sự tháp tùng của các sĩ quan cao cấp trong đó có đại tá Công-xơ-tăng (Constans), tư lệnh Khu vực Biên giới Đông Bắc. Thời gian: 18.9.1950.

(Nguồn ảnh ngoài hội ký, xem thuộc tính của hình)

Ngày ấy, gọi là một trung đoàn nhưng chỉ có một tiểu đoàn tập trung: Tiểu đoàn 249 cùng với các đại đội trực thuộc như trinh sát, thông tin, trợ chiến. Còn lại là các đại đội độc lập ở các huyện.

Anh Hà Kế Tấn⁽¹⁾ quê ở Hà Tây, tính tình điềm đạm, nom anh có dáng của một người thợ từng trải. Anh nhiều tuổi hơn tôi, tham gia cách mạng từ 1936, hoạt động, lăn lộn, gây dựng phong trào, cơ sở miền Hà Tây và vùng nội thành Hà Nội. Khi anh được Quân khu I cử về làm chính uỷ trung đoàn, tôi đã được anh cáng đáng những việc chủ chốt trong đời sống của cán bộ, chiến sĩ. Nào công tác Đảng, quan hệ quân - dân, vấn đề hậu cần, những mối liên quan giữa quân đội với chính quyền, đoàn thể, Mặt trận Liên Việt v.v... nhờ đó mà tôi chỉ toèng teng cái ba lô cùng với cậu chiến sĩ bảo vệ Ma Văn

Thành lao vào các trận đánh. Đánh xong trận này lại đi nghiên cứu thực địa, tìm cách đánh trận khác. Lúc thì tôi ở với Tiểu đoàn 249, lúc ở với đại đội trinh sát. Hàng tháng về hậu cứ của trung đoàn ở Bình Gia, vùng Bản Riềng, Kéo Coong để cùng anh Hà Kế Tấn bàn bạc, rút kinh nghiệm việc đã làm và vạch phương hướng, kế hoạch mới dựa vào chỉ thị, chủ trương của Quân khu.

Ngày ấy, địch đang ở thế mạnh. Bộ ra lệnh: “Bằng mọi giá quyết chặt đứt Đường số 4, yết hầu quan trọng nối liền Cao Bằng, Lạng Sơn, Móng Cái của địch”.

Để thực hiện ý đồ chiến lược đó, Quân khu đã tính tới khả năng địch, để đề ra một phương châm thích hợp, rất có hiệu quả, như đánh từ nhỏ đến lớn, từ dễ đến khó, tránh chỗ rắn đánh chỗ mềm. Với phương châm như vậy, chúng tôi đảm nhiệm những trận đánh tập trung như Bông Lau - Lũng Phầy, Bản Năm, Bó Củng - Lũng Vài, Ngườn Kim, Chọc Ngà, Nà Pá v.v... Sau này là các trận công đồn từ nhỏ tới lớn. Còn các đại đội độc lập, du kích địa phương hoạt động nhiều vẻ hơn, đa dạng hơn; từ quấy rối, tiêu hao đến phục kích nhỏ và làm công tác địch vận kêu gọi anh em ngụy binh, giác ngộ họ, tạo nhân mỗi, tổ chức lấy đồn bằng nội công ngoại kích. Đồn nhỏ họ tự lấy, đồn lớn có chúng tôi tham gia.

(1) Anh Hà Kế Tấn lúc ấy là Khu uỷ viên Khu I, sau kháng chiến chống Pháp, có lúc làm Bộ trưởng Bộ Thủy lợi.

Tôi nhớ hồi đó đồng chí Ngọc Trinh, cán bộ trung đội, rất giỏi công tác địch vận. Trinh vốn người Cao Bằng có tài bắt nhân mối rất khéo. Anh đã tổ chức được một số lính ngụy làm nhân mối, sẵn sàng nội ứng ở một số đồn như Chè Cáy, Na sầm, Lũng Vài. Hồi ấy tôi chuyên đi đôi giày đinh cao cổ, anh em vẫn gọi là “Cộp săng đá”. Với đôi giày bền, chắc đó tôi lội nước, đi rừng rất tiện, không ngại gì gai góc, đường trơn.

Một hôm nom thấy đôi giày của tôi đã mòn vẹt, Ngọc Trinh nghĩ ngay tới việc gặp nhân mối trong đồn Nam Sầm để kiếm đôi giày mới. Anh sai tên lính ngụy nấu bếp tên là Đoòng:

- Này, ăn cắp trong kho cho mình một đôi “săng đá” cỡ 40.

Đoòng cười:

- Không được đâu. Ăn cắp thì không được nhưng lấy đôi cũ xin đôi đôi mới thì được vớ. Xếp Tây quy định thế mà.

Ngọc Trinh gật đầu:

- Giày há mồm thì có ngay thôi. Đêm nay ra hàng rào mình đưa cho.

Trở về, Ngọc Trinh bảo ngay với tôi:

- Trung đoàn trưởng tụt giày ra để tôi đem đôi lấy đôi mới.

Không hiểu gì cả, tôi bảo:

- Cậu đòi cho ai! Thôi, để chờ đánh một trận kiếm đôi khác. Mình đi đôi mới thì người khác lại phải đi đôi há mồm này. Không nên.

- Anh cứ tụt luôn ra. Tôi đòi ở trong kho “anh-tăng-đăng”¹ đồn Na Sầm hẳn hoi. Nó quy định quân trang phải đôi cũ lấy mới, không phát không. Bộ thăng Tây, nguyên tắc cứng nhắc, “oách xì xằng” ghê.

Anh toét miệng cười, còn tôi vui vẻ tụt giày luôn, Hôm sau tôi có ngay đôi giày mới toanh (do đồn Na Sầm cấp phát).

1: Intendant: Hậu cần

Giặc Pháp nghĩ chúng đang có thế mạnh về binh lực, vũ khí cùng với một hệ thống đồn bốt của toàn quân khu biên thủy suốt cả vùng Cao - Bắc - Lạng đến Tiên Yên - Móng Cái. Chúng tưởng thừa sức uy hiếp Việt Bắc nhưng dần dà hóa ra chính chúng lại bị bao vây trong cái thế thiên la địa võng của chiến tranh nhân dân chúng ta. Thụ động, co rút trong hàng rào đồn bốt, chúng buộc phải luôn luôn căng thẳng đầu óc đối phó với sự tiến công liên tục của ta, Với thế chủ động, chúng tôi hoàn toàn giữ quyền chọn thời gian, chọn địa điểm, chọn địa hình và chọn cách đánh thuận tiện nhất để giành phần thắng trên Đường số 4. Có thể nói Đường số 4 không bao giờ ngớt tiếng súng của quân và dân Cao - Bắc - Lạng. Bộ đội chủ lực nghỉ ngơi, chuẩn bị cho đánh lớn thì dân quân, du kích thay thế đánh địch liên tục trên Đường số 4. Nào phá đường, phá cầu, cắt dây điện thoại. Tiếng súng của du kích lúc nghỉ binh, lúc quấy rối, lúc tiêu hao bắn tỉa, bao bủa liên tục quanh các đồn bốt địch. Tiếp theo là những trận phục kích ngày một lớn của Trung đoàn 28 chúng tôi: Bông Lau lần thứ nhất rồi Bông Lau lần thứ hai. Rồi Bó Củng - Lũng Vài lần nữa, tiếp tới trận Bản Nầm lần thứ ba. Trận nào cũng thắng. Trận sau to hơn trận trước và thắng đậm hơn. Có khi ở ngay một địa điểm đã bị đánh đi đánh lại, mà kẻ địch không sao chế ngự, tránh thoát nổi. Từ Đông Khê ngược lên Cao Bằng suốt trục Đường số 4, địch cũng bị các lực lượng dân quân, du kích và chủ lực tỉnh Cao Bằng nện những đòn chí tử. Trung đoàn 74 của các anh Chu Huy Mân, Trung đoàn trưởng, Lê Quang Ân, Chính trị viên liên tục nổ súng tiến công địch. Tiểu đoàn 73, tiền thân của Tiểu đoàn 251, lực lượng chủ yếu của trung đoàn do quyền Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Hữu An chỉ huy, diệt Tài Hồ Sìn, tiếp đến phục kích chặn Nà Tồn diệt 7 xe trên Đường số 4. Phía Suối Hai, Đại đội 398 diệt 3 xe ở

đoạn Khau Máng. Đại đội 670 tập kích Phục Hòa, Trà Linh. Cùng lúc Đại đội 660 hoạt động ở Quảng Uyên, phục kích đèo Cao Nầu, tập kích đồn Cốc Bó, đoạn Ngườn Bái của Đường số 4, Tiểu đoàn 73 diệt 12 xe. Sau đó đánh tiếp luôn trận lớn vừa phá huỷ vừa tiêu diệt 28 xe phía Bắc Đông Khê. Vào dịp gần Nộn, tiểu đoàn đánh thắng trận phục kích ở Lũng Mươi, tiêu diệt 2 đại đội Lê dương, phá huỷ 27 xe. Một khi các trung đoàn chủ lực như 74 Cao Bằng, 28 Lạng Sơn thắng lớn, càng tạo thế cho các đại đội độc lập ở các huyện vững mạnh bao vây, đánh phá các đồn bót, nói bung thế kìm kẹp của giặc. Hễ nơi nào gây được nhân mối là anh em trong đồn giục ta lấy đồn nhanh để họ mau trở về với bà con dân bản.

Đồn Chè Cáy nằm sát đường ở đoạn gần Na Sầm thuộc huyện Thoát Lãng, có một trung đội ngụy do tên Vít - cốt chỉ huy, có nhiệm vụ án ngữ phong tỏa vùng Na Sầm để bảo vệ đoạn Na Sầm đi Đồng Đăng trên Đường số 4.

Đại đội của Đinh Giang và Hùng Quốc nắm rất vững tình hình địch của một loạt đồn bót trong huyện như Chè Cáy, Lũng Vài, Bó Củng, Kéo Thổ, Na Sầm. Nhân mối trong các đồn thường xuyên báo cáo cho Ngọc Trình những thay đổi, biến động cả về nhân lực và hỏa lực cũng như cung cách bố trí của địch. Riêng ở Chè Cáy, hai phần ba quân số ngụy đã thuộc về ta. Một hôm, lính Sảy nhân mối tin cậy nhất trong đồn Chè Cáy báo ra: Quan đồn Vít - cốt phải đổi về Lạng Sơn, quan mới về thay nó. Đồn sẽ tổ chức tiễn quan cũ đón quan mới vào ngày 12 tháng 9.

Thời cơ tốt đã đến. Đánh vào lúc địch liên hoan chè chén say sưa, hân hoan thắng hơn. Đồn Chè Cáy ở trên đỉnh một ngọn đồi, xung quanh cây cỏ rậm

rap. Ngay tối hôm trước, ta bố trí một trung đội ém phục ở lưng chừng đồi. Đây là một hành động rất cảm tử, táo bạo. Chỉ cần một nhân mối phản bội hay một tên nguy ác ôn bất ngờ phát hiện, ta sẽ bị tiêu diệt. Ngọc Trình rất tin vào nhân mối. Anh trực tiếp chỉ huy trung đội đó. Đã ước hẹn trước, đúng lúc tại phòng ăn, hai quan Tây nâng cốc chúc tụng theo lễ nghi “tổng cựu nghênh tân”, người lính gác cổng mở cổng cho trung đội của Ngọc Trình ập vào. Những nhân mối khác giữ lô cốt đóng chặt cửa vào lô cốt. Mọi việc diễn ra rất nhanh. Cả hai tên đồn trưởng bị bắn chết tại chỗ cùng với mấy tên cai, đội ngoan cố, số nguy còn lại quy hàng. Bộ đội và nhân dân bắt tay nhau. Sẩy đại diện anh em nguy binh giác ngộ nói:

- Hôm nay, Tây đồn bảo mổ thịt hai con lợn để làm tiệc, chúng tôi đã có ý để nguyên nửa con ở trong bếp dành cho bộ đội. Bây giờ ta liên hoan thôi. Đại đội trưởng Đinh Giang vội can:

- Không nên liên hoan trong đồn. Địch đến tiếp cứu thì hỏng hết. Được mà hóa thua đấy.

Anh ra lệnh thu vũ khí và vác cả nửa con lợn rút nhanh. Về đến hậu cứ, làng Pắc Lạng, quê anh Hoàng Văn Thụ, bà con dân bản tặng thêm con lợn nữa, quân và dân liên hoan chiến thắng bằng một bữa tiệc vui. Nhiều người say rượu ngã quay ngay tại chỗ. Uống rượu mà say mới tốt, mới thật lòng với nhau mà. Phong tục ở đây là như vậy.

Gần một tháng sau, chúng tôi lấy luôn đồn Lũng Vài cũng theo lối nội công ngoại kích như vậy. Đồn này có cai cầm ngoặc trước với Việt Cường,

nhưng khi vào sát đồn ta vô ý giẫm phải cái thùng làm chó béc-giê ở trên nhà tên đồn trưởng Tây sủa ầm ỹ. Cai cảm liền bảo anh em ta rút, rồi làm như dẫn tiểu đội đi tuần tiểu cho khỏi lộ; hôm sau tổ chức lại và diệt gọn đồn. Bọn Pháp nghi ngờ nên thuyền chuyển ngụy binh lung tung, đồn nọ sang đồn kia, xé lẻ từng tiểu đội và tăng cường thêm bọn Âu Phi. Nhưng dần dà, các mắt xích nhân mối chẳng những được nối lại mà còn phát triển rộng, loang dần ra. Bởi vì đại đa số anh em thanh niên trong vùng giặc chiếm chỉ vì bị cưỡng bức, thúc bách mà phải vào lính ngụy. Trong thâm tâm, họ vẫn hướng về Cách mạng, về Chính phủ cụ Hồ, chỉ mong chờ có dịp là trở về với Tổ quốc. Vì vậy mà công tác địch vận vẫn phát triển mạnh, nhiều kết quả. Chẳng những ngụy binh mà cả bọn chính quyền ngụy như trưởng bản, lý trưởng cũng biến thành tề hai mang, vừa làm cho địch vừa phục tùng sự điều khiển của ta.

Trận Đồng Nội đã diễn biến theo một dạng khá lý thú. Đây là một đồn án ngữ trên đoạn đường Lạng Sơn đi Bản Sầm. Địch cho xây dựng lô cốt và bắt dân phu nộp tre củng cố hàng rào, công sự cho vững chắc. Hàng ngày có 3 tên Pháp gồm 1 thiếu úy và 2 cai đội trực tiếp đôn đốc dân phu làm lụng. Dân phu một phần là thanh niên vùng xuôi chúng bắt qua các vụ càn quét dưới đồng bằng và gán cho cái tên PMT¹ đưa lên Lạng Sơn bắt xây đồn bốt hoặc mang, vác đạn dược, khi chúng hành binh. Một phần nữa chúng bắt bọn tề ngụy từng địa phương cắt phiên thay nhau lên đồn lao công.

Lợi dụng tình hình này, ta bàn với lý trưởng ngụy là Lý Khăng vốn là tề hai mang, dùng bộ đội giả dạng dân phu tuồn vào đồn. Sau vài ngày nắm được hết tình hình, bộ đội ta trong vai dân phu, nhân lúc ba tên Pháp tùm tùm lại hút thuốc trò chuyện, liền nổ súng giết luôn ba tên Pháp. Lính ngụy như rần

không đầu xin hàng. Mọi người phá nát đồn Đồng Nội kéo nhau hả hê ra về. Riêng hơn chục người PMT xin được gặp chỉ huy, anh em dẫn họ đến gặp tôi. Tôi nghĩ số anh em này bị bắt đã lâu, đưa đi hết đồn này đến bớt khác, chắc họ biết được tình hình địch ở nhiều nơi. Sau khi cho anh em ăn uống no nê, tôi hỏi:

- Bây giờ các anh muốn về quê quán hay sinh sống ở vùng tự do!

Họ đều nói rõ nguyện vọng:

- Chúng em bị Tây nó càn quét rồi vu cho là du kích, bộ đội. Nó coi như tù binh, hành hạ khổ lắm. Quê chúng em giặc chiếm bây giờ mà về thì cũng đến lại đi lính, đi phu cho giặc thôi.

Có người mạnh dạn đề nghị:

- Nếu chỉ huy tin chúng em cho chúng em đi theo bộ đội. Chúng em mang vác, nấu nướng cho anh em đánh giặc.

Tôi cười:

- Vệ quốc đoàn là bộ đội của nhân dân. Không bắt dân làm phu cho bộ đội đâu.

Sau đó tôi trao đổi ý kiến với anh Hà Kế Tấn. Anh với tôi nhất trí sử dụng anh em. Ai tình nguyện tham gia bộ đội, chúng tôi thu nhận luôn. Mấy anh nhiều tuổi làm cấp dưỡng, còn anh em trẻ phiên chế vào các tiểu đội. Nói

chung anh em là dân vùng Thái Bình, Hải Dương, Quảng Ninh, nhanh nhẹn, tháo vát, rất am hiểu cung cách hành quân, đóng đồn của địch. Một số trở thành lính trinh sát của trung đoàn rất gan dạ mưu trí như chiến sĩ Lung, Vĩnh, Xuyên, Tuấn, Hoài Đức, Ngọc... Họ bám địch và lấn quất ở vùng hậu địch rất giỏi.

Qua việc này tôi cứ suy nghĩ mãi: Dân ta ai cũng có lòng yêu nước, ai cũng ngưỡng mộ Bác Hồ, mong mỗi cuộc kháng chiến thành công. Sau 80 năm dài nô lệ bị bọn thực dân Pháp áp bức bóc lột thậm tệ, ai ai cũng thêm khát độc lập, tự do. Vì vậy, ai ai cũng kiên quyết kháng chiến để giữ vững độc lập, tự do.

PMT: Prisonnier militaire du Tonkin (tù binh Bắc Kỳ).

Anh Hà Kế Tấn hồi đó như con dao pha của Khu uỷ Khu I. Hễ nơi nào yếu, anh được cử đến củng cố. Anh vừa là Khu uỷ viên, vừa là Thường vụ Quân khu uỷ. Tháng 4 năm 1948, anh được cử làm Chính trị viên Trung đoàn Bắc Bắc do anh Đỗ Tấn làm Trung đoàn trưởng. Sang tháng 6, thấy Trung đoàn 28 cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, trên lại điều anh về với chúng tôi. Vừa là chính uỷ trung đoàn, anh vừa là Tỉnh uỷ viên tỉnh Lạng Sơn nên giải quyết nhiều vụ việc dễ dàng trong mọi vấn đề liên quan giữa quân đội và chính quyền, Đảng bộ tỉnh.

Ngày ấy anh nắm rất chắc tình hình, mạng lưới công tác địch vận, binh vận trong tỉnh. Một người có tác phong làm việc sâu sát, tự anh hiểu biết được cụ thể tình hình, mới quyết định hành động.

Cùng với nhiệm vụ “Chặt đứt Đường số 4” ta còn chủ trương đánh sâu vào lòng địch, tạo nên khu đu kích lõm, giành dân, giành đất, ép địch thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng lại. Đồn Ba Sơn ở vùng Cao Lâu - Xuất Lễ nằm sâu trong lòng địch. Cán bộ địch hậu và cơ sở của ta hoạt động rất khó khăn nguy hiểm. Một phía ở sát biên giới, bị bọn Tàu Tưởng khống chế, thô phi cướp bóc. Phía dưới nằm trong thế kìm kẹp của giặc Pháp.

Vào lúc tôi đi chuần bị chiến trường để đánh trận Bông Lau - Lũng Phầy lần thứ 2, có Đại đội trưởng đại đội độc lập huyện Ôn Châu là Mai Chí Long lên gặp anh Tấn đề nghị cho đánh Ba Sơn:

- Trong đồn này ta có mấy lính đồng làm nhân mỗi rồi. Anh Phan Mạnh Cự cũng đồng ý cho đánh (Phan Mạnh Cự là Phó Bí thư Tỉnh uỷ Lạng Sơn hồi bấy giờ được giao nhiệm vụ đặc trách khu Ba Sơn). Vậy anh cho ý kiến.

Anh Tấn hỏi:

- Đánh được đã đành. Nhưng có giữ được không? Giữ được rồi phát triển thành căn cứ lõm sâu trong lòng địch mới tốt. Đánh xong rút lui chỉ khổ dân, vỡ hết cơ sở.

Đại đội trưởng Mai Chí Long trình bày tỉ mỉ tình huống, nhân mỗi, cơ sở và bảo đảm:

- Báo cáo với anh. Chúng tôi giữ được. Địch không có điều kiện lấy lại được

nữa đâu.

Anh Hà Kế Tấn suy nghĩ rồi bảo:

- Thế thì để mình về với cậu ở dưới đó và gặp anh Cụ bàn cụ thể đã. Rồi ta đánh!

Anh đi bám cơ sở và quả nhiên đêm 4 tháng 3 năm 1949, ta diệt Ba Sơn giải phóng cả vùng Cao Lâu - Xuất Lễ. Mười ngày sau, trung đoàn chúng tôi diệt 3 bất Đèo Khách, Bản Trại, Bản Phiệt, khiến địch vội rút luôn Pò Ma, Bình Nghi, Bản Pản, Pò Theo sát vùng biên giới thuộc huyện Trảng Định. Tiếp luôn, ngày 25 tháng 4, Trung đoàn chúng tôi diệt 53 xe ở Bông Lau - Lũng Phầy, tiêu diệt luôn đồn Lũng Phầy trên đồi cao. Địch hoảng sợ, liền rút Phương Mân và Nà Mần phía Đông Bắc Trảng Định.

Sau đợt thắng lợi liên tiếp, anh Tấn bảo tôi:

- Đội này bọn mình làm ăn được. Trung đoàn đang có khí thế. Ta làm tới đi.

Ngắm vẻ người hơi thấp nhưng chắc nịch của anh, tôi thầm nghĩ: Chiến đấu bên cạnh một ông anh có quá trình cách mạng dày dặn, hăng hái thế này thật là yên tâm.

Vào thời điểm này, Trung đoàn 72 của Bắc Cạn tiêu diệt đồn Phủ Thông, phục kích địch ở Đèo Gió. Trung đoàn của anh Mân đánh địch trên Đường

số 3 ở Bằng Khẩu, Ngân Sơn và diệt đồn Tài Hồ Sìn lần thứ 2; cho một đội biệt động tập kích pháo đài ở Chi Khu, phá nhà máy điện, đánh vào các đồn dọc bãi sông Hiến, sông Bằng.

Địch đành co lại trên trục Đường số 4 từ Cao Bằng qua Đông Khê tới Lạng Sơn. Chúng vội vã rút bỏ Bắc Cạn, Nước Hai, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Phục Hòa, Nguyên Bình.

Toàn mặt trận Cao - Bắc - Lạng bùng bùng một cao trào đánh Pháp, trừ gian, diệt tề, phá kế hoạch “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của địch.

*

* *

Năm tháng đã qua đi: Mỗi lần ôn lại cuộc sống sôi nổi, hào hùng dọc tuyến Đường số 4, tôi nhớ nhiều đến các cán bộ, chiến sĩ của Trung đoàn 28 và Trung đoàn 174. Đa số anh em đều là người dân tộc Tày và Nùng miền Cao Bằng - Lạng Sơn. Những con người chân thực, chất phác, với dáng vẻ lầm lì, ít nói, nhưng rất tận tụy trong mọi nhiệm vụ. Họ chiến đấu dũng cảm, gan góc tuyệt vời và cũng rất đậm đà tình cảm. Mới gặp, chưa quen ở giây phút ngỡ ban đầu, anh dễ ngộ nhận lo lắng trước người chiến sĩ dáng dấp rụt rè, hỏi gì nói nấy với những câu đáp lại ngắn ngủi, dè sẻn từng lời, vừa đủ để anh hiểu ý. Nhưng bên trong cái vẻ ngoài lặng lẽ ấy, chứa đựng phẩm chất đẹp đẽ của người lính: gan bền, chịu đựng khắc khổ, đánh đến cùng, sẵn lòng hy sinh vì nghĩa cả, vì tự do, độc lập của Tổ quốc. Những con người thật đáng quý: có, bảo ngay là có, không, bảo rằng không, ít người có ý nghĩ quanh co với cách xã giao uốn éo, khách sáo, lấy lòng nhau. Là chỉ huy, khi

hỏi một chiến sĩ, tôi được trả lời gọn ghẽ, trung thực:

- Có nhớ nhà không?

- Có nhớ chứ!

- Có muốn về không?

- Có đấy. Nhưng còn muốn đánh Tây xong vớ.

- Thế tôi cho về có về không?

- Hí! Chỉ huy cho mình về thì mình về. Hết phép mình lại đến ngay thôi. Những người chiến sĩ Cao - Lạng là thế: Chiến sĩ của Trung đoàn tôi là thế. Những người chiến sĩ đáng tin cậy cả lúc thường cũng như lúc cùng nhau trong cơn gian nan, nguy hiểm của trận đánh.

Ngày ấy có chiến sĩ Ma Văn Thành làm liên lạc và bảo vệ Trung đoàn rất lâu. Thành là người Nùng ở bản Páo vùng Diêm He - Tu Đoàn. Tôi với Thành luôn cặp kè bên nhau, từ lúc nghỉ ở hậu cứ đến khi trình sát thực địa hoặc lên Quân khu, lên Bộ báo cáo, hội họp. Thành là một chàng trai to, khỏe, rất điển trai, cưỡi ngựa rất giỏi. Hồi tôi đánh ở Hiền Sĩ gần Huế, bắt bọn Pháp nhảy dù, bọn này do quân Anh trang bị, nên mỗi tên mang một cái ba lô lính dù Anh to đùng, ba lô ngoài bạt, trong vải cao su, có thể tống toàn bộ chăn màn, áo quần và đủ thứ linh tinh vẫn thừa chỗ. Tôi đã được cấp chiếc ba lô đó. Suốt thời gian ở Đường số 4, tôi giao cho Thành, cậu ta đã mang gọn đủ thứ của hai người chúng tôi, chung trong cái ba lô “Đại chiến thứ 2” ấy.

Nhớ lại, có một lần tôi lên Quân khu họp. Quân khu bộ đóng trong khu rừng vùng Trại Cau, Thái Nguyên. Sau ít ngày họp xong khi sắp sửa ra về, Thành nói với tôi:

- Chỉ huy à! Hết cả tiền ăn đường, cái ví đựng tiền để quên đâu không thấy nữa. Nguy lắm thôi.

Thấy vẻ lo ngại, áy náy của người cận vệ thực thà như đếm, tôi bảo:

- Cứ yên tâm! Để mình đi lo vậy.

Thành dặn tôi:

- Chỉ cần tiền ăn đường đến Bắc Sơn thôi. Đây là đất Lạng Sơn, đất quê, đất bản của Trung đoàn ta rồi, không sợ đói vớ!

Tôi quay lên trên lán gặp anh Lê Hiến Mai¹ anh là Quân khu uỷ viên, Chính uỷ quân khu. Tôi hỏi xin anh ít tiền và nói rõ tình cảnh của anh em chúng tôi:

- Chỉ xin anh đủ tiền đến đất Bắc Sơn. Tới đấy ném đâu tôi cũng không sợ chết đói. Lính Trung đoàn 28 với dân Lạng Sơn là một nhà.

Anh Mai cười phô hàm răng nổi tiếng và dốc túi cho tôi số tiền còn lại của anh. Ngày đó là tiền Tài chính, đồng tiền đang bị xuống giá. Bộ đội chưa có chế độ cung cấp hậu cần mà phải dùng tiền mua lương thực, thực phẩm ở

chợ. Đi công tác phải mang tiền ăn đường. Tôi đưa số tiền xin được cho Thành. Cậu ta cười rất hiền lành:

- Lố! Bây giờ lại giàu rồi. Vào quán ăn bánh chưng rán, phở xá xíu cũng được lố.

Anh Lê Hiến Mai, tên thực là Dương Quốc Chính, hồi ấy là chính uỷ Quân khu 1. Sau hòa bình, có lúc là Bộ trưởng Bộ Thương binh xã hội. Anh có hàm răng vẩu nổi tiếng nên anh em đặt tên cho là Lê Mái Hiên. Anh xin đổi là Lê Hiến Mai.



Hồi đó vùng Kéo Coong (Bình Gia), Hội Hoan được coi như thủ đô kháng chiến của bộ đội và nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hầu hết đồng bào ở thị xã Lạng Sơn đi theo kháng chiến đều tản cư, sinh sống tại vùng đó. Các quán tản cư mọc lên đông vui sầm uất giống như Cầu Bó, Rừng Thông của Thanh Hóa, Nước Hai của Cao Bằng hay Nho Quan - Đầm Đa - Xích Thổ ở Ninh Bình thuộc Khu 3. Các cơ quan Dân Chính Đảng cũng đóng quanh gần đó. Còn người lính Trung đoàn 28 sau mỗi trận chiến thắng đều trở về đây nghỉ ngơi. Những chàng lính trẻ và cả cán bộ chúng tôi cũng rất trẻ trung, có khi dạo phố và nếm phở xá xíu hoặc giải khát món trứng đường, cà phê tại

các phố phường tản cư quen thuộc này.

Sống ở Lạng Sơn, Trung đoàn 28 chúng tôi như con cá lội giữa dòng nước mát của lòng dân xứ Lạng. Khi đi chiến đấu có dân lo cơm nước, phục kích địch có bà con tiếp tế cơm nắm muối vừng. Chị Đường Thị Kim công tác hội phụ nữ lặn lội vận động chị em trong bản với khẩu hiệu: “Một ngàn chiếc bánh chưng, một ngàn “ống bò” cơm để bộ đội ăn no đánh thắng”.

Thế là tiếng chày giã gạo vang rền thậm thịch khắp thôn bản cả một vùng Thoát Lãng, Trảng Định, Bình Gia. Gạo cũng của từng nhà, công sức cũng của từng người dân, chỉ một đêm đã có bánh, có cơm, có cơm vắt muối lạc, kìn kìn chuyển đến trung đoàn. Rồi mỗi lần chiến thắng trở về, người lính Trung đoàn 28 được bà con dân bản tung bừng đón mừng. Chuyện đánh Tây, câu hát lượn, hát sli, hát then rộn ràng quyện với tiếng đàn âm vang khắp làng khắp bản. Ngoài bữa cơm liên hoan là những hoa trái đặc sản của xứ Lạng, nào là mận Thất Khê, nào là đào Mẫu Sơn, mít Bình Gia, Bắc Sơn. Mùa hồng đến, vườn cây trong bản vàng rực trĩu nặng những trái hồng không hạt, nổi tiếng của đất Lạng. Năm tháng qua đi rất xa rồi nhưng trong tôi, mỗi lần nghĩ đến Trung đoàn 28, nghĩ đến xứ Lạng là cả một chuỗi hồi ức tung bừng rất đẹp đẽ, rất đầm ấm trời dấy với muôn vàn hình ảnh đầy thương, đầy nhớ, đầy ơn huệ về bản làng và tấm lòng của bà con xứ Lạng. Nhớ anh dân quân đào đường, phá cầu, ngăn giặc, nhớ người du kích quấy rối, phá bót, hỗ trợ đắc lực cho bộ đội đánh to. Nhớ cụ kè, bà mẹ thương người lính Trung đoàn 28 như con đẻ, nhớ các chị phụ nữ Tày, Nùng đẹp người, đẹp cả tấm lòng, những chăm sóc tận tình anh bộ đội Cụ Hồ từ đường kim vá áo, đến bát cháo cho người chiến sĩ thương binh và tiếng hát sli uốn lượn tình tứ khi người chiến sĩ chiến thắng trở về.

Trận đánh Bồ Củng - Lũng Vài lần thứ 3, địch bắn ca nòng Bô-pho liên hồi vào khu vực đài chỉ huy. Cây cảnh đồ nghiêng ngã, tôi vừa xô dịch rời vị trí, vừa giữ liên lạc với trận địa dưới đường. Cậu Thành không rời tôi nửa bước, vừa lúc một cành cây to quật xuống chính Thành đã rất nhanh, dùng sức mạnh trai trẻ của mình đẩy bật tôi sang một bên. Chỉ chút xíu nữa là tôi không còn đến hôm nay. Tôi cười cười nhìn Thành cảm ơn, nhưng cậu ta quắc mắt đầy vẻ bức bối.

- Hầy! Bảo phải chú ý mà chỉ huy cứ không nghe à. Ngồi sát vào cái hố này chứ!

Nếu ai bảo đây là lính cáu với chỉ huy thì tôi vui lòng đón nhận những lời cáu kỉnh, hờn dỗi ấy. Tôi hiểu, Thành đã rất quý tôi, chăm lo cho sức khỏe và tính mệnh của tôi. Đã nhiều lần, trong nhiều trận đánh, trong nhiều cuộc hành quân, Thành không ngại nguy hiểm cứu tôi như vậy. Tôi cảm động vô cùng, mỗi lúc ở rừng, anh hái từng lá rau tàu bay, rau ngót rừng, ít ớt măng nấu cho tôi bát canh ăn đỡ xót lòng.

Sau mỗi trận đánh, tôi hay đến trạm xá của quân y để thăm các đồng chí cán bộ, chiến sĩ bị thương. Một lần thấy cậu y tá đang băng cho một chiến sĩ bị thương ở ngay chỗ khuỷu tay. Cậu y tá mới vào nghề được mấy tháng cứ luống cuống không biết cách nào buộc cho chặt. Tôi ngồi xuống băng cho cậu chiến sĩ. Thấy tôi làm rất thuần thục, cậu y tá và mấy chiến sĩ đều hỏi:

- Trung đoàn trưởng học nghề y bao giờ thế?

Tôi cười:

- Mình là y sĩ của Trạm quân y Pắc Kéo của Trung đoàn hồi 46 mà.

- Hí a! Thế mà lại làm chỉ huy đi đánh nhau.

Anh em bàn tán vậy.

Tôi nói vui:

- Khắc làm khắc biết thôi! Khắc đi khắc đến mà.

Quả thật, cuộc chiến tranh đã xoay vần cuộc sống của tôi qua bước ngoặt bất ngờ rất mau lẹ. Trước Cách mạng tháng Tám, tôi là sinh viên y khoa năm thứ hai, rồi được giác ngộ tham gia bí mật vào Việt Minh. Nhật đảo chính Pháp, tôi cùng một số anh em được đoàn thể giao nhiệm vụ vào Huế. Rồi tham gia cướp chính quyền, rồi vào Vệ quốc đoàn đi đánh nhau ở Nam Bộ, ở Nha Trang, Đường số 9, Đường số 7. Khi có Hiệp định mùng 6 tháng 3, ngừng tương đất nước yên ổn, ta sẽ giành độc lập qua những diễn biến bằng hòa nghị, hòa bình, tôi được ra Hà Nội để chữa bệnh sau những cơn sốt rét rừng khá nặng, chữa chạy chưa lành hẳn thì trường võ bị Trần Quốc Tuấn mở khóa đầu tiên ở Sơn Tây. Anh Tạ Quang Bửu (người thầy cũ) lúc ấy làm bộ trưởng Bộ Quốc phòng bảo tôi lên gặp anh Hoàng Đạo Thúy, Hiệu trưởng Trường võ bị. Túm được một chàng trai mới từ mặt trận trở về, lúc ấy là một của quý. Anh Thúy sung tôi vào làm giáo viên và cán bộ khung của trường.

Những ngày đã qua ở Trường võ bị, mãi mãi đối với tôi là những ngày đẹp. Anh Nguyễn Phước Hoàng, Hà Đống, Nguyễn Thế Thương, Phan Viên, Hoàng Xuân Tuỳ, Sanh Thí v.v... những bạn đồng học ở trường Quốc học Huế, không hẹn mà hội tụ cùng nhau dưới một mái trường. Những học sinh lớp võ bị đầu tiên của quân đội ta tuyển từ khắp cả nước, toàn là những chàng trai trẻ đẹp, khỏe, đầy nhiệt huyết. Không nói ra lời nhưng tôi có cảm tưởng là họ không tiếc một hy sinh nào để quên mình cho Tổ quốc.

Gần đây, để kỷ niệm 41 năm ngày khai giảng khóa một của lớp võ bị đầu tiên (tháng 6-1946 đến tháng 6-1987) những người bạn cũ họp lại. Đồng chí Đỗ Hạp điểm danh: gần một nửa trong số 300 học sinh lớp võ bị khóa I đã bỏ mình trên các chiến trường toàn cõi Đông Dương. Tôi xúc động bùi ngùi, tưởng nhớ đến những học viên võ bị khóa I của Trung đoàn 174 đã bỏ mình trong các trận chiến đấu: Anh Phan Văn Đắc ở trận Bình Liêu, anh Đỗ Văn Bằng ở Đồn Mỏ Thổ (Bắc Giang). Những cán bộ võ bị Trần Quốc Tuấn đầu tiên của quân đội ta quả đã không thẹn với lá cờ mà Bắc Hồ hôm khai giảng khóa học đã tặng cho nhà trường với dòng chữ: “Vì nước quên thân vì dân quên mình”. Sau võ bị khóa I tôi xin tiếp tục về học lớp quân y trường Đại học Y khoa. Tất cả học viên tập trung ở nhà thương Chó (nay là Bộ Nông trường) coi như những sinh viên quân y lớp đầu tiên của quân đội. Chúng tôi sống tập trung thành một trung đội. Anh Nguyễn Sĩ Quốc và tôi được chỉ định làm phụ trách. Mỗi lần lên lớp, chúng tôi đến giảng đường trường Y, học chung với sinh viên bên ngoài.

Giặc Pháp trở mặt gây hấn. Trước kháng chiến toàn quốc ít ngày, cả lớp

quân y chúng tôi được phân tán về các nơi. Tôi và anh Nguyễn Sĩ Quốc lên mặt trận Lạng Sơn phục vụ ở trạm điều trị Pắc Kéo, huyện Bình Gia. Hai người cứ thay nhau người giữ trạm, người ra mặt trận. Một hôm, vào khoảng ra ngoài tết năm đó, anh Vũ Văn Cẩn, Cục trưởng Quân y, đi kiểm tra vùng mặt trận Lạng Sơn thấy tôi đang lúi húi với một thương binh, anh kêu lên, vẻ ngạc nhiên:

- Ô! Cậu còn ở đây à? Điện gọi cậu về Bộ mấy lần mà chẳng thấy về.

Tôi cũng ngạc nhiên, lắc đầu:

- Báo cáo anh, tôi có biết gì đâu?

- Thôi, ở đây có Sĩ Quốc và anh Mậu¹ lo. Cậu chuẩn bị ba lô về Bộ thôi. Thế là tôi theo anh về Bộ, nhưng lại ở Phòng tác chiến Bộ

Tổng tham mưu chứ không phải ở Cục Quân y với anh Cẩn. Tôi hiểu ngay. Vào những ngày đầu kháng chiến, ta thiếu nhiều cán bộ quân sự. Vì vậy, hễ ai đã từng chiến đấu từ sau Cách mạng tháng Tám hoặc đã học trường võ bị hay các trường quân chính đều được gọi về Bộ. Bộ sẽ điều xuống các đơn vị hoặc giữ lại ở Bộ Tổng tham mưu.

Tôi vẫn hay nói đùa với anh em: “Với riêng mình thì cuộc tiến công lên Việt Bắc của thằng Pháp lại là điều may mắn. Không có sự kiện này, còn lâu mình mới được sống với các cậu ở Đường số 4. Còn ôm thùng “phá xa lạc rang” nghiên cứu hoài...”.

Giờ nghĩ lại tôi thấy thêm điều may mắn nữa. Những ngày tháng đầu tiên bước vào cuộc chiến, tôi đã được sống ở một địa bàn tuy địch mạnh, thiện chiến nhưng ta lại có nhiều thuận lợi: núi rừng, địa hình hiểm trở, dân tốt, bộ đội dũng cảm. Ở Lạng Sơn, tinh thần giết giặc cứu nước rất sâu sắc trong mỗi người dân, mỗi người chiến sĩ. Đặc điểm chung của người dân tộc, người miền núi là không muốn xa nhà, xa bản. Phải đi xa ở lâu một nơi nào đó, anh em nhớ từng con suối, dòng khe, tiếng chim kêu, vượn hú của rừng quê, thôn bản mình. Ấy thế mà ngày đó, cả Lạng Sơn bừng bừng khí thế diệt xâm lăng, cứu muôn, cứu bản. Thanh niên chỉ muốn vào du kích, đi bộ đội. Được ở bộ đội huyện rồi lại muốn thoát ly đi bộ đội chủ lực để được rong ruổi đánh Tây khắp đây đó. Đạo tháng 10 năm 1984, tôi lên Thất Khê, ủy ban huyện Tràng Định đã tổ chức một cuộc họp mặt đông đảo các cán bộ cũ của huyện đã từng tham gia chiến đấu từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp tới ngày chúng thất bại trong chiến dịch Biên giới, phải rút bỏ Lạng Sơn tháo chạy. Một cuộc hội ngộ của những con người từng vang bóng một thời, từng hiến dâng tất cả sức lực tuổi thanh xuân của mình vào công cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại.

Bác sĩ Nguyễn Thúc Mậu, lúc ấy làm Trưởng ban Quân y Trung đoàn 28 Lạng Sơn. Sau kháng chiến chống Pháp là Thiếu tướng. Hiệu trưởng Trường Đại học Quân y.



Bs. Vũ Văn Cẩn

Nay đã bạc xóa mái đầu, tuổi đã cao, ngồi ôn lại chuyện cũ 35 năm qua mà ai nấy vẫn đầy hào hứng, sôi nổi. Có cụ còn hát lại bài ca cũ, giọng điệu thật hào hùng: Bông lau, Bông lau, Rừng xanh pha máu...

Tối hôm ấy cụ Quốc Tân, 76 tuổi, trước từng làm cán bộ Mặt trận Liên Việt và Chủ tịch Ủy ban huyện: cụ nghỉ hưu đã lâu, ở bản Chu, cầm tay tôi tâm sự:

- Việt ơi, ngày xưa mày đánh Tây ở Đường số 4 giỏi. Tây nó cũng khen mày vớ. Nó gọi mày là “Đệ tứ quốc lộ Đại vương”. Nó muốn giết mày lắm vớ. Nhưng bây giờ tao nói thật một điều, ngày ấy mày là ông trung đoàn mà mày quan liêu lắm đấy! Tao đổi lính của mày luôn mà mày không biết đâu à. Hà hà hà!

Cụ vừa ẩy mạnh vai tôi vừa cười đầy sáng khoái, đầy thú vị.

- Trời ơi, đổi lính của tôi! Tôi thốt lên, làm sao mà bố già đổi được.

- Hí i a! Quân của mày toàn là người của Lạng Sơn chúng tao thôi mà. Đứa ở Thoát Lãng, đứa quê Na Sầm, thằng ở Trảng Định, con em dân bản cả mà. Tôi im lặng lắng nghe cái điều bí mật thuộc tề quan liêu của tôi 35 năm trước mà tôi không hề hay biết. Cụ rầm rì kể, hơi rượu phả vào mặt tôi.

- Việt ơi! Ngày ấy trung đoàn chủ lực của mày đánh thắng to ở Đường số 4. Hiểu chưa? Mà bộ đội ở huyện tao nó chỉ cùng du kích, phá rối; đánh các bớt nhỏ thôi. Nó muốn đánh cái trận to, giết nhiều Tây mới sướng. Nó muốn được theo trung đoàn mày lắm vợ. Có một lần trung đoàn mày vùng quê tao chuẩn bị đánh. Đánh trận nào à? Cụ vỗ tay vào trán rồi lắc đầu không nhớ trận gì. Lâu lắm rồi, quên lú rồi. Tao bàn với thằng Giang, nó là chỉ huy đại đội độc lập của huyện mà. Nó bàn với thằng chỉ huy trung đội của bộ đội mày. Cùng người Nùng cả vợ, quen thân nhau cả mà. Thế là đổi vài thằng ở đại đội địa phương cho nó đi theo trung đội chủ lực, nó đánh trận to cho sướng. Còn mấy thằng ở chủ lực nhân nhà gần, đổi cho nó về với vợ con cho khỏi nhớ. Đánh xong trận rồi đổi lại thôi mà. Hà! Hà! Hà...

Cười xong cụ bảo:

- Úi giời giời! Người dân tộc chúng tao xa vợ, thương lắm, nhớ lắm. Ngày ấy tao hai con rồi mà công tác huyện, xa nhà mấy ngày cũng đã nhớ. Nói gì lính nó là thanh niên. Nó về rồi nó lại đi đánh giặc thôi mà.

Tôi thở phào, tùm tùm cười và hỏi:

- Đồi thế nhiều lần không?

- Lúc nào thuận lợi thì đồi. Nhiều trận đấy. Mà quên rồi.

Tôi lắc mạnh tay cụ:

- Trời đất ơi! Đồi người thay nhau đi đánh giặc. Tốt lắm chứ việc gì phải giấu tôi. Bàn với tôi, đồi cả đại đội tôi cũng ưng luôn thôi mà.

Cụ Quốc Tân gật:

- Ngày ấy mình cũng nghĩ: đứa được đi đánh giặc, đứa đánh nhiều rồi thì về thăm bản, thăm vợ con hợp tình hợp lý quá chứ. Nhưng mình sợ, ông ở xuôi lên, ông làm chỉ huy trung đoàn, ông hiểu gì người dân tộc mà bàn cho hồng việc. Thôi, dưới trung đội, đại đội, cùng bàn chuyện với nhau thôi. Giấu trên đi có đến chết thành ma nó cũng không biết. Nó cười ngựa hồng, đi giày đen, đeo Côn-bát mà... Hà hà... hà...

Tôi cũng cười theo và mặc cụ đâm thùm thụp vào vai, tôi thầm nghĩ:

- Dân như thế, cán bộ địa phương như thế, lính trung đoàn tôi như thế. Hồi đó tôi đánh được giặc là phải!

Gần hai năm trời, sau khi địch chiếm đóng Cao Bằng - Bắc Cạn trong cuộc tiến công Thu Đông 1947, thế trận của ta mỗi ngày một vững mạnh thêm. Cho đến cuối năm 1949, quân khu biên thủy của ngài quan năm Công-xtăng trở nên bấp bênh, nghiêng ngả. Tuyến đồn bót và đội Âu Phi cơ động ứng cứu không sao bảo vệ nổi con Đường số 4, ông thực quản nuôi sống phân khu Cao Bằng - Bắc Cạn. Các trận đánh của ta dồn dập hơn: đánh đồn, bức rút, xen kẽ với những trận phục kích dữ dội. Chiến công nối tiếp chiến công. Chủ lực, địa phương đều thắng. Tên quan tư Clê-men-xon và cả phó quan Ba-bơ- ranh chỉ huy phân khu Thất Khê phải đổi về xuôi sau những thất bại liên tiếp trên Đường số 4, vì để mất nhiều đồn bót vùng Tràng Định - Thoát Lãng. Rồi Ba Son giải phóng chúng tôi mở rộng khu du kích Cao Lâu - Xuất Lễ ở ngay phía sâu trong lòng địch. Trên Cao Bằng, do sự hoạt động mạnh mẽ của Trung đoàn 74 và bộ đội huyện, du kích địa phương, địch rút bỏ Bắc Cạn, Nước Hai, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Phục Hòa, Nguyên Bình.

“Con đường chết chóc”, “con đường đầm máu” đây là câu nói cửa miệng của bọn binh lính và sĩ quan Pháp, kể cả Lê dương lẫn Bắc Phi hay Pháp chính công. Trên con đường đầm máu, chết chóc ấy, chúng kinh sợ nhất khi phải đi qua đoạn Bông Lau - Lũng Phầy, Bản Nặm - Lũng Vài, Bó Củng - Lũng Mươi. Mỗi lần phải nhận nhiệm vụ vận chuyển tiếp tế từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, chúng đều khiếp đảm. Chúng phải tổ chức phòng vệ rất chặt chẽ, cẩn thận. Nào nghi binh, nào cho lính tiên tiêu chiếm lĩnh các điểm cao, tuần tiễu, sục sạo, kết hợp phi pháo dọn đường, rà quét ven rừng. Nhưng vô hiệu, càng về sau càng thua đau hơn trước. Người, xe, súng ống, đạn dược, khí tài, dụng cụ, lương thực càng bị mất nhiều hơn. Có lúc từ Cao Bằng xuôi về hàng đoàn xe không, nếu có tiếng súng, địch chỉ có một cách duy nhất:

phóng liều mạng, phóng bạt tử khi qua các đoạn hiểm yếu. Thông thường chúng tôi lờ những chuyển trở về của chúng vì chỉ có những chiếc xe rỗng và lũ con buôn bám theo đưa hàng về xuôi. Nhưng bất ngờ, hồi tháng 5 năm 1949, chúng tôi giã trận Bông Lau - Lũng Phầy lần thứ 2 diệt 15 xe. Từ hôm ấy địch kháo nhau:

- Đi lên chưa chết thì lúc về chưa hẳn đã thoát. Tốt nhất là thoát khỏi con Đường số 4 khủng khiếp này.

Hồi đó, mỗi lần về Quân khu họp tổng kết, tôi thường thay mặt Trung đoàn 28 báo cáo về những trận phục kích thắng lợi trên Đường số 4. Anh Văn và anh Thái hay xuống tham dự với Quân khu. Và tôi thường phải trả lời một câu hỏi:

- Tại sao chỉ quanh quẩn mấy địa điểm trên mà trung đoàn vẫn đánh thắng hoài?

Đúng. Địch bị đánh rồi tất nhiên chúng phải phòng bị kỹ hơn. Trận sau dĩ nhiên khó đánh hơn trận trước. Nhưng rõ ràng ngày nào địch còn phải đi qua những đoạn hiểm yếu mà thiên nhiên đã tạo thành cái thế có lợi cho ta thì chúng còn bị đánh. Một bên núi dựng, một bên là khe sâu, đường vòng vèo ven chân núi, đi ngược phải lên đèo, về xuôi phải xuống dốc. Cùng với địa lợi là sự tính toán lựa chọn phương án thích hợp tối ưu của chúng tôi. Trong tính toán bố trí trận địa, tôi thường đặt mình vào tình thế địch và dự kiến nhiều tình huống, giả định giả thử địch ứng phó thế này, ta phải xử trí thế kia. Giả định địch phản kích kiểu này, ta dùng cách nọ mà ứng phó. Có lần nghe tôi đưa ra nhiều giả định, anh Văn cười và bảo:

- Cậu này sao lắm giả định thế.

Trong hoàn cảnh địch mạnh ta yếu, địch chính quy hiện đại, ta còn thô sơ lạc hậu, lại ở một nơi rừng núi hiểm trở, kế hoạch của chúng tôi luôn phải kèm theo nhiều giả định, tình huống và biện pháp đối phó khi bất trắc xảy đến.

Trong trận Bó củng - Lũng Vài lần 3, nhờ có nhiều dự kiến trước, nên khi đường liên lạc điện thoại giữa các tiểu đoàn và trung đoàn bị gián đoạn, các đơn vị vẫn tự động đối phó theo kế hoạch. Và khi thời cơ đến, có tín hiệu phát ra từ sở chỉ huy trên đỉnh núi, toàn thể mặt trận nhất tề nổ súng, chuyển bại thành thắng.

Bí quyết của sự thành công khi đặt kế hoạch tác chiến có nhiều giả định là như vậy.

Khi tôi trình bày đến cả những dự kiến về thời tiết, tính toán đến tuần trăng từng tháng, anh gật gù:

- Tay này thông minh.

Vì ta chưa có dự báo thời tiết hàng ngày qua đài nên tôi hay hỏi lịch thời tiết của các cụ già trong bản (loại lịch chữ Nôm tính theo ngày âm lịch) để dự kiến biết những ngày mưa nắng, cung cách trăng khuyết, trăng tròn mà tính thời điểm nổ súng có lợi. Thường đầu tuần trăng trời sáng lúc đầu, đêm về khuya trăng lụi dần. Chọn thời khắc nào bố trí trận địa dễ dàng hơn, đánh

lúc nào thuận lợi hơn, là cả một sự tính toán khôn khéo giữa khoảng trời khi mờ, khi tỏ, lúc tối bùng. Nhờ khai thác cái vốn dân tộc ấy, mà ở nhiều trận, để tránh phi pháo địch, bộ đội ta hành quân ra trận vào lúc trời có mây, có mù, Đối với tôi, các cụ kè là những chiếc hàn thử biểu, phong vũ biểu sống. Các cụ rất nhạy cảm về thời tiết. Nhưng có lẽ cái mà thằng địch luôn luôn bị thua là ở chỗ chúng luôn luôn bị bất ngờ. Chúng tôi đánh chúng vào đúng sự suy nghĩ rất chủ quan của chúng. Chủ quan vốn là thuộc tính cố hữu của địch, những kẻ nặng đầu óc vũ khí luận. Có pháo binh bắn dữ dội vào rừng, chúng nghĩ “bắn thế này Việt Minh chui vào đâu mà mai phục”. Dùng máy bay rà soát ngọn cây, bắn hàng tràng đại liên xé cây, rạch đất, chúng nghĩ “Việt Minh nào mà chẳng lui chạy”. Chiếm trước điểm cao rồi mới cho xe đi, chúng cũng nghĩ: “không chế chặt chẽ thế này Việt Minh xung phong sao nổi xuống mặt đường”. Rồi chúng lại nghĩ: “Đánh một lần rồi, đại gì Việt Minh đánh lại chỗ đã bị lộ”. Cứ cái kiểu nghĩ “ta to, ta khỏe, ta khôn thế này. Việt Minh lần này đụng độ sẽ chết”!. Bởi thế luôn luôn kẻ địch bị chết rất bất ngờ về những tính toán rất chủ quan như vậy, Còn chúng tôi lại rất chịu khó đúc kết nhanh sau từng trận đánh, rút kinh nghiệm nhanh và dự kiến luôn những gì kẻ địch sẽ tính tới ở những cuộc vận chuyển sau. Trong trận Bô Cung - Lũng Vài lần thứ 3, ta bắt được một tên đại úy. Hình như tên hấn là Béc-nô hay Béc-xô gì đó, tôi không nhớ cụ thể nữa. Tôi cho dẫn hấn đến để khai thác. Tôi hỏi:

- Anh đi qua đi lại trên đường này nhiều rồi chứ?

- Thưa ông, đã một vài lần.

- Đây là lần thứ mấy?

- Lần thứ 3 thưa ông.

Tôi mỉm cười bảo hấn:

- Đây cũng là lần thứ 3 tôi thắng trên đoạn Bó Củng - Lũng Vài này.

Béc-nô buồn rầu:

- Vâng? Ở đoạn này hể hôm nào có các ông phục kích chúng tôi đều bị cả.

Ngập ngừng giây lát hấn nói tiếp:

- Rất may là tôi không có mặt ở hai lần các ông phục kích trước đây.

- Và lần không may hôm nay đã đến.

Béc-nô nhún vai:

- Vâng! Thế là hết - Hấn ngao ngán. Từ lâu tôi và bạn bè đã tiên liệu, còn phải đi lại trên con đường số 4 chết tiệt này ắt sẽ có ngày gặp cơ sự khùng khiếp.

Tôi ngắt đứt lời than vãn của hấn và hỏi luôn:

- Lần này các anh phòng bị chu đáo do đã rút được nhiều kinh nghiệm ở mấy trận trước và ở cả đây và Bông Lau - Lũng Phây, Bản Nắm. Anh hãy nói

thật: Lúc bắt đầu ra đi anh có tin là bị phục kích không?

Béc- nô cần môi rồi gật đầu:

- Thưa ông! Phục kích lúc nào là quyền của các ông. Nhưng có điều chúng tôi tưởng có thể ứng phó được nếu bị phục trúng.

- Thì các anh cũng đã ứng phó đấy chứ.

Tên tù binh nhún vai, hai bàn tay xòe ra lúc lắc đầu:

- Biết làm sao được thưa ông? Mọi diễn biến không đúng như điều chúng tôi hoạch định. Chiến tranh là sự dự liệu của cả hai bên mà.

Tôi gật đầu đồng ý và hỏi thêm:

- Nếu như anh còn phải đi vận chuyển thì lần sau anh tính toán bố trí ra sao cho tốt?

Hắn mở to mắt nhìn tôi rồi nói:

- Với tôi thưa ông, tôi biết chắc chắn giờ đây chỉ còn một con đường đi về trại tù binh. Nhưng ông hỏi tôi xin nói: con nhà binh không ai muốn rơi vào cái bẫy cũ. Tôi chắc bạn bè tôi, cấp trên của tôi sẽ bố trí một cách đi hữu hiệu hơn. Bởi chúng tôi vẫn cứ phải tiếp tế cho Cao Bằng.

- Cứ giả tưởng như anh sẽ đi, anh sẽ định ra sao? Vừa nói tôi vừa đưa cho

Béc-nô một tờ giấy và chiếc bút máy Pác-ke của tôi. Nào, lại gần đây.

Béc-nô suy nghĩ rồi hấn phác họa trên giấy một cung cách xử trí cho một đoàn công-voa tiếp tế từ Lạng Sơn lên Cao Bằng khi qua điểm hiểm yếu. Hấn giảng theo từng nét sơ đồ rồi gặt gù:

- Chắc chắn là hữu hiệu hơn. Các ông khó mà đánh được.

Tôi cười:

- Anh đoán chắc chứ.

Béc-nô cũng thẳng thắn:

- Chắc chứ, với tôi thì chắc chắn. Còn với ông... chiến tranh mà! Sự đối chọi của hai bên. Thừa ông!

Tôi thưởng cho Béc-nô cả gói thuốc lá Phi-líp.

Quả nhiên, ít hôm sau, cung cách đi trên đường, mọi hoạt động và mối quan hệ giữa các đồn bắt dọc đường với đoàn xe vận chuyển gần giống như điều Béc-nô đã diễn giải.

Xem thêm "tiểu đoàn Lũng Vài"

<http://www.vnmilitaryhistory.net/index.php/topic,353.msg5378.html#msg5378>

Từ sự rút kinh nghiệm, ứng phó mới của địch, tôi tìm ra thể bố trí, cách đánh mới ở trận Bông Lau lần thứ 3. Trận thắng rất đậm. Sau này, chuyển sang làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174, đơn vị của mặt trận Cao - Bắc - Lạng trực thuộc Bộ, mỗi lần lên báo cáo tình hình tôi vẫn được anh Văn nhắc nhở:

- Dù địch mạnh thế nào, bố trí ra sao, ta vẫn có thể đánh được. Đánh cả tiêu hao lẫn tiêu diệt. Nhưng hãy chú ý phải coi việc tiêu diệt sinh lực địch là chính. Tiêu diệt gọn, tiêu diệt nhiều, địch sẽ mau tan rã ý chí. Về mặt tổ chức, chúng cũng khó khăn hơn trong việc bổ sung lực lượng và củng cố đơn vị một khi đơn vị đó bị ta xóa sổ hoàn toàn, và có tiêu diệt được sinh lực thì mới giải phóng được đất đai.

Tôi nhớ điều đó và rất tâm đắc. Tôi coi đó là phương châm hành động để thực hiện quyết tâm của trung đoàn: “Chặt đứt Đường số 4”.

Khoảng từ tháng 8 năm 1949, thể chủ động của ta trên chiến trường Cao - Bắc - Lạng đã rõ rệt. Lực lượng bộ đội tập trung của ta đông hơn, mạnh hơn. Mới ngày nào, sau khi chiếm Cao Bằng, viên cao uỷ Bô - la lên thị sát từng hí hửng tuyên bố:

- Không bao giờ? Thật vậy! Không bao giờ nước Pháp rời bỏ cái thành phố xinh đẹp này!

Quan năm Công-xtăng cũng thề thốt:

- Chúng tôi xin làm tròn sứ mệnh bảo vệ an toàn quân khu Biên thủy. Sẽ luôn ở tư thế uy hiếp cái chiến khu Việt Bắc của Việt Minh.

Ấy vậy mà con Đường số 4 vào thời điểm này đang rầy chết. Nó chỉ còn bảo đảm an toàn từ phía dưới Tiên Yên đến Lạng Sơn. Từ Lạng Sơn ngược lên nó gần như bị tê liệt. Để nuôi sống phân khu Cao Bằng - Bắc Cạn, địch phải mở những chuyến đi đẫm máu; các nhà chiến lược Pháp đã bắt đầu có sự bàn cãi tính toán. Liệu có nên rút bỏ Cao Bằng hay mở đường tiếp tế bằng

hàng không cho an toàn. Tờ báo Thế giới (Le Monde) báo hiệu nỗi chua cay của bọn viễn chinh xâm lược Pháp ở Đông Dương: “Việt Minh đã giành thế chủ động hoàn toàn trên Đường số 4”¹. Cái tit chữ to in trên trang một làm đầu đầu cao uỷ Bô-la vô cùng.

*1. Les Việt prertnent absolument les initiatives des opérations sur la RC4 -
(3) Dangereux.*